



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

Tax
time!

Bản tin KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 2/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 1/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	8
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	11
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 1/2025	11
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	11
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	11
1.1.2. Xuất nhập khẩu	12
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	12
1.1.4. Hoạt động đầu tư	12
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	14
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	14
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	16
1.2.4. Giá vàng	17
1.2.5. Chứng khoán	17
1.2.6. Lạm phát	18
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	19
2.1. Về chủ trương, chính sách	19
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	21
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	23
1. Thị trường dầu thô	23
2. Thị trường khí	30
3. Thị trường phân bón	35
4. Thị trường điện	38
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	41
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 1 năm 2025	42



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 1/2025

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu* tháng 01/2025 đạt 50,1 điểm, tăng 0,5 điểm so với tháng 12/2024 (49,6 điểm), báo hiệu sự cải thiện đầu tiên (mặc dù không đáng kể) về điều kiện hoạt động trong bảy tháng. Biến động theo khu vực vẫn đáng kể do điều kiện kinh doanh bị ảnh hưởng bởi khả năng áp thuế quan của Mỹ.

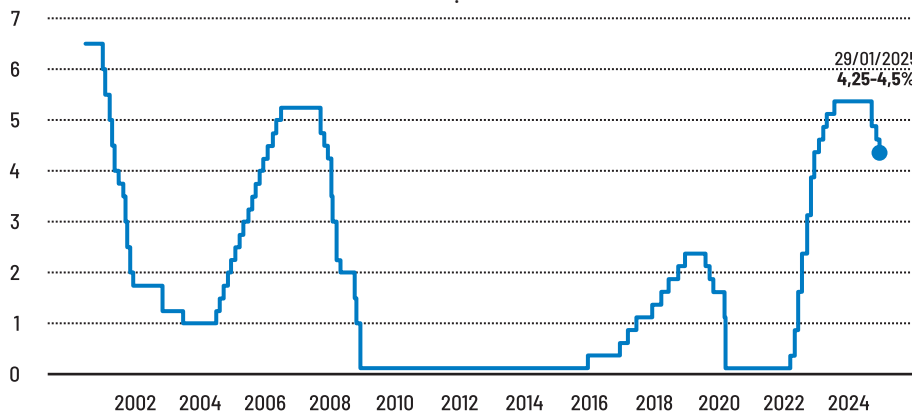
Trong tháng 1/2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn khi căng thẳng thương mại leo thang và sự phân hóa rõ nét giữa các khu vực kinh tế.

Những chính sách thuế quan mới của Tổng thống Mỹ Donald Trump đối với hàng hóa nhập khẩu từ Canada, Mexico và Trung Quốc đã làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời tạo áp lực lớn lên giá nhiên liệu và nhu cầu năng lượng. Trong khi đó, thị trường dầu mỏ và khí đốt đang bước vào một cuộc cạnh tranh gay gắt về nguồn cung, việc áp thuế đối với năng lượng không chỉ khiến giá cả biến động mạnh mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế thế giới.

Trước những rủi ro ngày càng gia tăng, ngày 29/1, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định giữ nguyên lãi suất tham chiếu ở mức 4,25 - 4,5%, phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà hoạch định chính sách trước triển vọng kinh tế đầy biến động.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed

Bên cạnh đó, giá vàng thế giới tiếp tục đà tăng mạnh khi các nhà đầu tư tìm đến kênh trú ẩn an toàn này trước những bất ổn kinh tế và địa chính trị. Trong tháng đầu năm 2025, giá vàng đã tăng 143 USD/ounce, tương đương 5,4%, phản ánh tâm lý lo ngại trước các chính sách thương mại mới của Mỹ và nguy cơ lạm phát gia tăng trên phạm vi toàn cầu.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ THÁNG 1/2024 ĐẾN THÁNG 1/2025

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Ngoài ra, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với một loạt thách thức nghiêm trọng, với tình trạng nợ công gia tăng tại nhiều quốc gia, nhất là tại các nền kinh tế thu nhập thấp, khiến nguy cơ vỡ nợ trở thành một mối đe dọa thường trực chưa được giải quyết triệt để. Đồng thời, thương mại hàng hóa toàn cầu cũng đang đối mặt với sự phân mảnh ngày càng rõ rệt, khi các chính sách bảo hộ gia tăng và sự thay đổi trong quy định thương mại giữa các quốc gia lớn. Thêm vào đó, sự căng thẳng gia tăng giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc trong các lĩnh vực thương mại và công nghệ, kết hợp với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông hàng hóa mà còn tạo ra các tác động tiêu cực với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Những biến động này khiến các nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia mới nổi và các ngành công nghiệp phụ thuộc vào chuỗi cung ứng quốc tế, phải đối mặt với khả năng suy thoái kinh tế nghiêm trọng trong tương lai gần.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

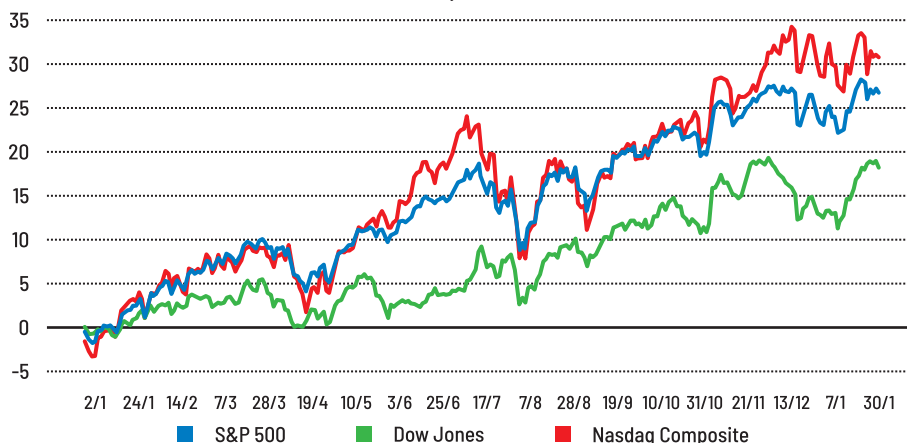
■ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 01/2025 đạt 51,2 tăng 1,8 điểm so với tháng 12/2024 (49,4 điểm), cho thấy lĩnh vực này đã được cải thiện khiêm tốn vào đầu năm. Hoạt động kinh doanh mới tăng lần đầu tiên kể từ tháng 6/2024. Cả sản lượng và đơn đặt hàng mới đều tăng trưởng trở lại vào tháng 1/2025, trong khi sự lạc quan về triển vọng sản xuất trong năm tới đạt mức cao nhất trong 34 tháng, một phần do sự gia tăng niềm tin của các công ty rằng điều kiện kinh doanh sẽ được cải thiện dưới thời Tổng thống Trump. Trong khi đó, chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh, dẫn đến tốc độ lạm phát giá đầu ra tăng tốc trong tháng thứ ba liên tiếp, đạt mức cao nhất kể từ tháng 3/2024.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Mỹ dù chịu tác động từ đợt bán tháo đầu tháng liên quan đến công ty khởi nghiệp AI DeepSeek của Trung Quốc, tuy nhiên cả ba chỉ số chính đều đạt kết quả tích cực trong tháng qua, với S&P 500 tăng 2,7%, Nasdaq Composite tiến thêm 1,6% còn Dow Jones tăng tới 4,7% và từng lập kỷ lục mới. Những diễn biến này phản ánh niềm tin của giới đầu tư vào khả năng tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ.

BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ - THÁNG 1/2025

Đơn vị tính: %

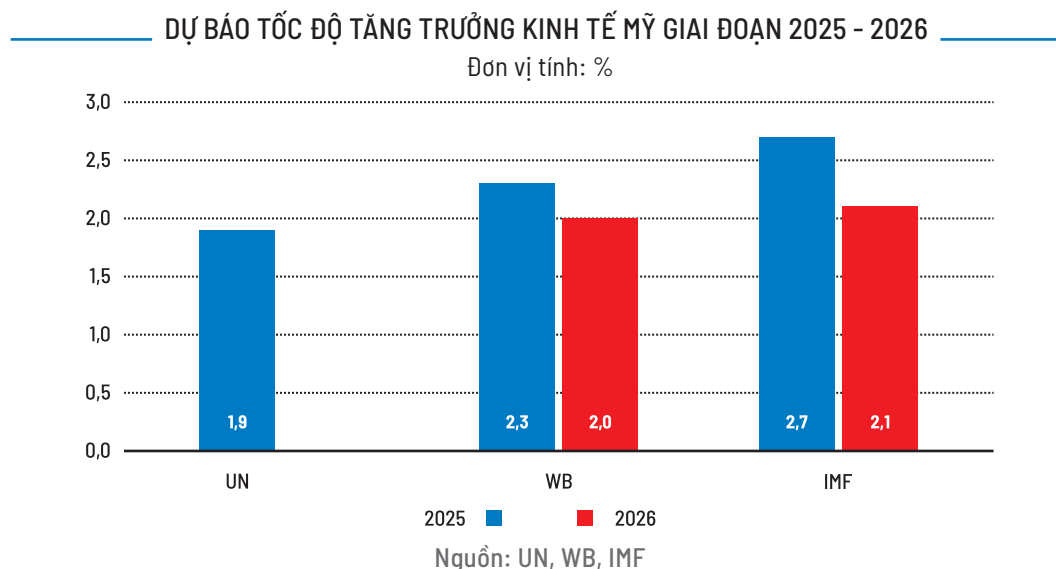


Nguồn: CNBC

Mặc dù nền kinh tế đã có nhiều khởi sắc, triển vọng kinh tế Mỹ vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Chính sách thuế quan mới của chính quyền Tổng thống Donald Trump có thể làm gia tăng chi phí nguyên liệu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và tạo áp lực lên các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, lạm phát duy trì ở mức cao và nợ công tiếp tục lập kỷ lục, làm gia tăng gánh nặng lên ngân sách quốc gia. Đặc biệt, việc áp thuế đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, Canada và Mexico có nguy cơ đẩy giá cả tiêu dùng lên cao, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người dân. Trong khi đó, kế hoạch cắt giảm thuế mạnh mẽ của chính quyền mới dù hướng đến mục tiêu kích thích tăng trưởng nhưng có thể buộc chính phủ phải tăng cường vay nợ, làm trầm trọng thêm tình trạng thâm hụt ngân sách.

Trong bối cảnh này, các tổ chức quốc tế trong tháng qua đã đưa ra những đánh giá trái chiều về triển vọng kinh tế Mỹ. Cụ thể, ngày 9/1, Liên Hợp Quốc dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ sẽ giảm từ 2,8% trong năm 2024 xuống còn 1,9% vào năm 2025, do sự suy yếu của thị trường lao động và giảm chi tiêu tiêu dùng. Ngược lại, ngày 17/1, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 2,3% trong năm 2025 và 2% vào năm 2026. WB cho rằng sự ổn định của thị trường lao động và sự gia tăng đầu tư trong các lĩnh vực quan trọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mức tăng trưởng tích cực này.

Đồng quan điểm lạc quan với WB, cũng trong ngày 17/1, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) lại điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 lên 2,7%, cao hơn 0,5 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 10/2024. IMF lý giải sự điều chỉnh này xuất phát từ đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024, sự ổn định của thị trường lao động, dòng vốn đầu tư gia tăng và một số yếu tố hỗ trợ khác. Tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ được IMF dự báo sẽ quay về mức tăng trưởng tiềm năng 2,1% vào năm 2026, khi các yếu tố thúc đẩy hiện tại dần suy yếu.



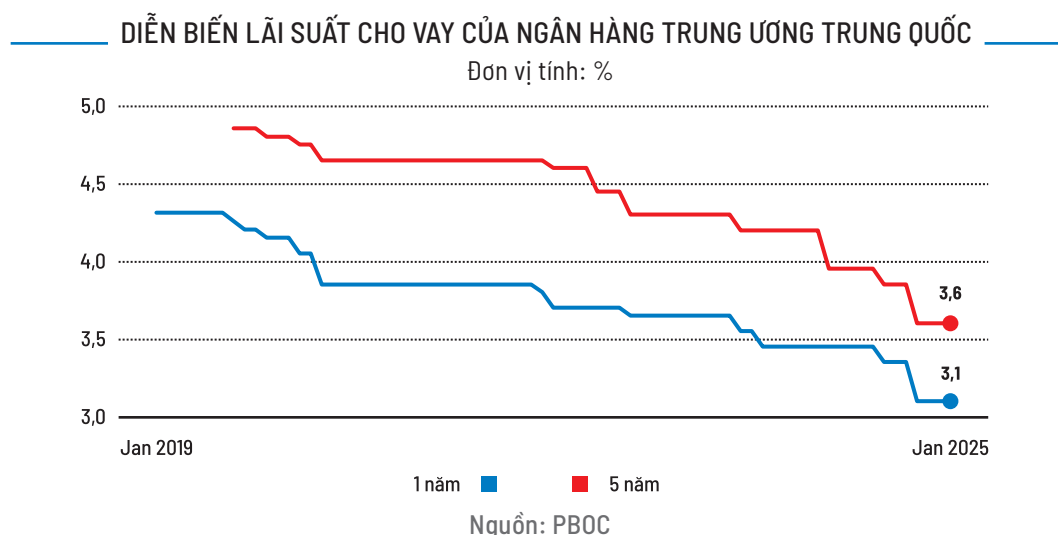
■ Trung Quốc

Nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là sự suy giảm trong lĩnh vực sản xuất và bất động sản. **PMI sản xuất tháng 01/2025 đạt 50,1 điểm, giảm 0,4 điểm so với tháng 12/2024 (50,5 điểm)**. Số liệu cho thấy các điều kiện trong lĩnh vực sản xuất đã cải thiện trong tháng thứ tư liên tiếp, mặc dù chỉ là một phần nhỏ. **Sản xuất sản xuất tại Trung Quốc đã tăng trong tháng thứ mười lăm liên tiếp vào đầu năm 2025**. Hơn nữa, tốc độ mở rộng đã tăng tốc từ tháng 12, phù hợp với xu hướng tăng đơn đặt hàng mới.

Điều này cho thấy đà phục hồi của ngành công nghiệp vẫn còn mong manh, trong khi những áp lực bên ngoài, đặc biệt là lo ngại về chính sách thuế quan của Mỹ.

Trong khi đó, cuộc khủng hoảng bất động sản tại Trung Quốc vẫn chưa có dấu hiệu chạm đáy khi doanh số bán nhà mới và giá nhà ở hiện hữu tiếp tục lao dốc trong tháng 1/2025. Giá trung bình mỗi mét vuông đối với bất động sản nhà ở đã hoàn thiện đã giảm hơn 7% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, doanh số bán của 100 nhà phát triển bất động sản hàng đầu đã sụt giảm gần 17% so với tháng 1/2024, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư và người mua nhà vẫn còn yếu.

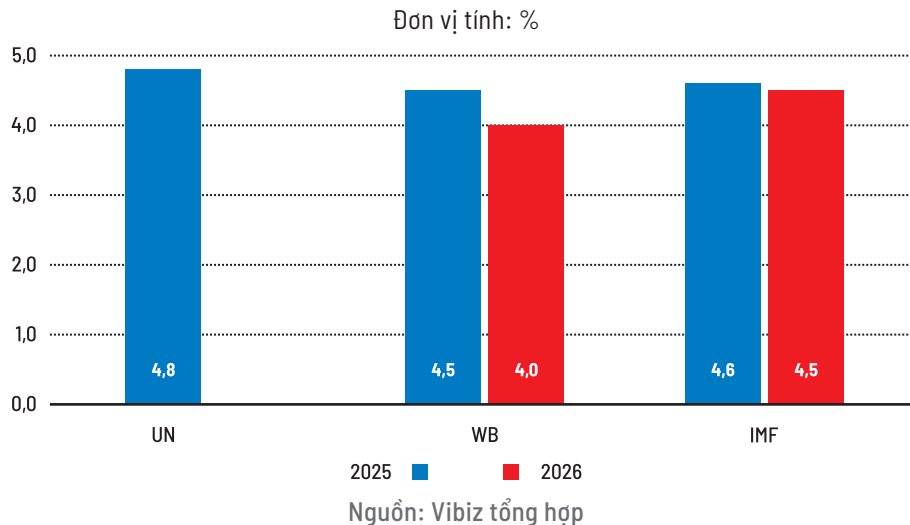
Trước bối cảnh đó, ngày 20/1, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay (LPR) ở mức 3,1% cho kỳ hạn 1 năm và 3,6% cho kỳ hạn 5 năm. Động thái này phản ánh sự thận trọng của Bắc Kinh trong việc cân bằng giữa thúc đẩy tăng trưởng, ổn định giá cả và bảo vệ đồng nhân dân tệ, vốn đang chịu áp lực giảm giá.



Đáng chú ý, trong tháng qua, căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc với Mỹ tiếp tục leo thang khi Bắc Kinh công bố mức thuế mới đối với một số mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ, đáp trả sắc lệnh thuế quan mới từ Washington. Động thái này có thể làm gia tăng nguy cơ tái diễn chiến tranh thương mại, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xuất khẩu, vốn là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế Trung Quốc. Mặt khác, bên cạnh những thách thức về thương mại, tình trạng già hóa dân số nhanh chóng cũng đang trở thành rào cản lớn đối với tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Tỷ lệ sinh thấp trong nhiều năm qua đã khiến lực lượng lao động suy giảm đáng kể, tạo áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội và chi tiêu công.

Về triển vọng tăng trưởng, ngày 9/1, Liên Hợp Quốc dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ đạt mức tăng trưởng 4,8% vào năm 2025, nhờ động lực từ đầu tư công và sự gia tăng xuất khẩu, dù tiêu dùng nội địa chững lại và thị trường bất động sản tiếp tục suy yếu. Với nhận định thận trọng hơn, ngày 17/1, Ngân hàng Thế giới (WB) điều chỉnh dự báo tăng trưởng của Trung Quốc xuống mức 4,5% cho năm 2025 và 4% cho năm 2026, trong khi đó, cùng ngày, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nâng dự báo tăng trưởng năm 2025 lên 4,6%, nhờ tác động tích cực từ gói hỗ trợ tài khóa công bố vào tháng 11/2024. IMF cũng dự báo tăng trưởng của Trung Quốc sẽ duy trì ở mức 4,5% vào năm 2026 khi thị trường lao động ổn định và tác động của bất ổn thương mại dần suy giảm.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2025 - 2025



■ EU

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 01/2025 đạt 46,6 điểm, tăng 1,5 điểm so với tháng 12/2024 (đạt 45,1 điểm). Dữ liệu cho thấy lĩnh vực sản xuất của khu vực đồng euro đã tiến gần hơn một bước tới sự ổn định, với sự suy thoái công nghiệp đã giảm đáng kể kể từ tháng 12/2024. Sự suy giảm trong sản lượng, đơn đặt hàng mới, hàng tồn kho và hoạt động mua hàng đều chậm lại, trong khi kỳ vọng tăng trưởng sản lượng của các doanh nghiệp tăng lên mức mạnh nhất trong gần ba năm. Về xu hướng giá cả, các nhà sản xuất khu vực đồng euro đã ghi nhận áp lực chi phí tăng lần đầu tiên kể từ tháng 8 năm ngoái. Giá cả ổn định, chấm dứt giai đoạn bốn tháng giảm giá.

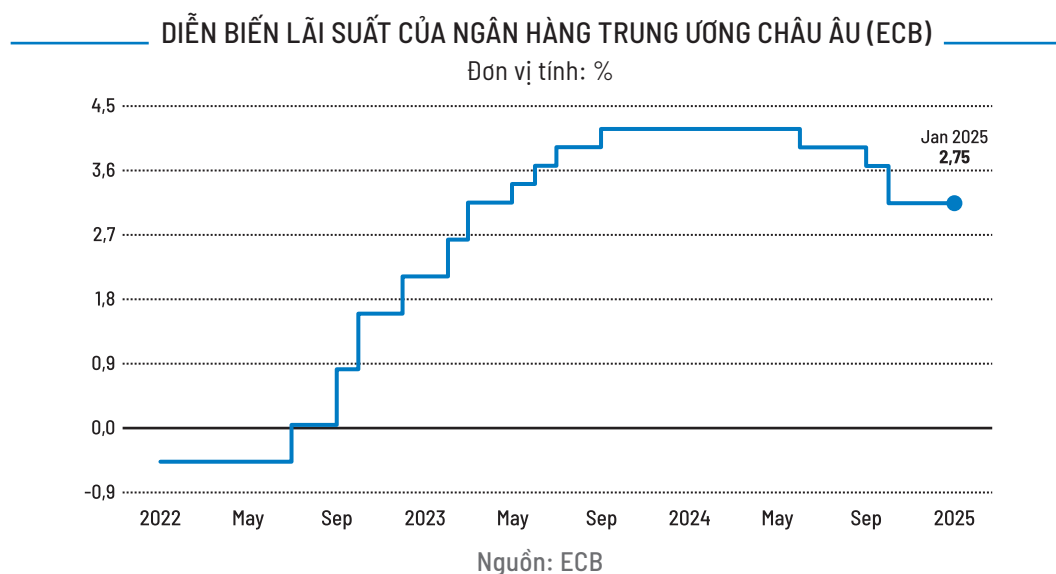
Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán châu Âu cũng đã trải qua một tháng khởi sắc, khi chỉ số Stoxx Europe 600 đạt mức cao kỷ lục, tăng 6,3% trong tháng, nhờ sự dịch chuyển dòng vốn từ cổ phiếu công nghệ Mỹ sang các ngành ngân hàng, dược phẩm và bán lẻ xa xỉ.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN STOXX 600 TỪ NĂM 2022 ĐẾN NAY



Nguồn: ISS STOXX

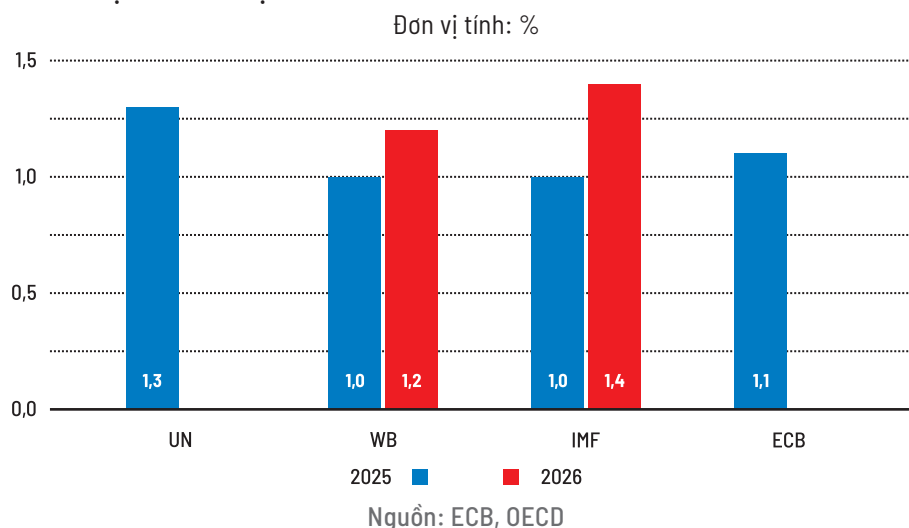
Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức lớn vẫn đang đè nặng lên nền kinh tế khu vực. Lạm phát trong tháng 1/2025 bất ngờ tăng lên 2,5%, vượt mức dự báo 2,4% và vẫn cao hơn mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Trước nguy cơ tăng trưởng trì trệ, ngày 30/1, ECB đã hạ lãi suất 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất tiền gửi xuống còn 2,75%, nhằm hỗ trợ nền kinh tế bằng cách giảm chi phí vay vốn, kích thích đầu tư và tiêu dùng, đồng thời cải thiện điều kiện tài chính chung trong khu vực.



Mặt khác, khu vực châu Âu hiện đang phải đối mặt với rủi ro lớn về an ninh năng lượng. Giá khí đốt cao gấp 4 lần so với Mỹ đang khiến nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc dịch chuyển nhà máy sang các khu vực có chi phí rẻ hơn. Mặc dù EU đang tìm cách đa dạng hóa nguồn cung thông qua nhập khẩu LNG từ Mỹ, nhưng chi phí cao vẫn là một trở ngại lớn. Đồng thời, cuộc cạnh tranh khốc liệt với Trung Quốc và Hàn Quốc trong nhập khẩu LNG đã đẩy giá nhiên liệu lên mức cao nhất trong một năm qua, làm gia tăng chi phí sản xuất và tác động tiêu cực đến chi phí sinh hoạt của người dân.

Với rủi ro từ căng thẳng thương mại và áp lực chi phí năng lượng, triển vọng phục hồi của châu Âu vẫn còn nhiều thách thức trong thời gian tới. Ngày 9/1, Liên Hợp Quốc dự báo kinh tế châu Âu sẽ tăng trưởng 1,3% trong năm 2025, nhờ lạm phát hạ nhiệt và thị trường lao động có dấu hiệu tích cực. Đến ngày 17/1, cả Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đều dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực này sẽ chỉ ở mức 1% trong năm 2025. Tuy nhiên, đối với năm 2026, WB kỳ vọng tăng trưởng đạt 1,2%, trong khi IMF lạc quan hơn với mức dự báo 1,4%. Ngoài ra, ngày 30/1, ECB dự báo kinh tế châu Âu sẽ tăng trưởng 1,1% trong năm 2025, cao hơn mức 0,7% của năm 2024, phản ánh sự phục hồi từng bước dù vẫn còn nhiều thách thức phía trước.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU NĂM 2025 -2026



2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 1/2025, nhiều tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo cập nhật về triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm nay và năm 2026, phản ánh cả yếu tố lạc quan lẫn thách thức còn tồn tại.

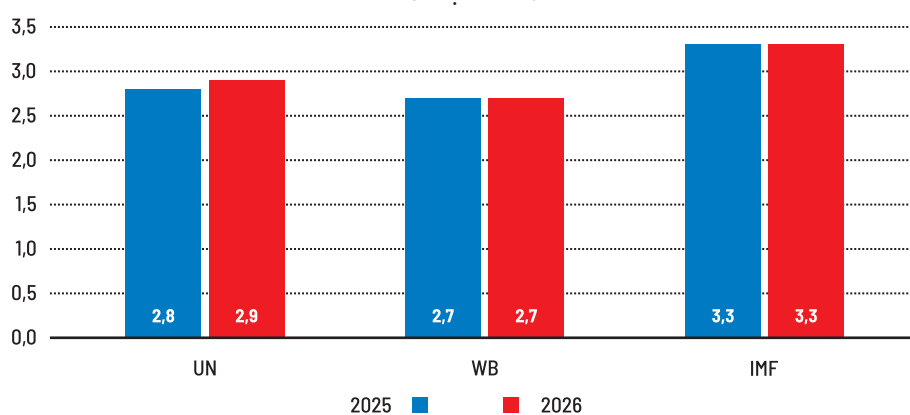
Ngày 9/1, *Liên Hợp Quốc dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 2,8% trong năm 2025 và 2,9% vào năm 2026*. Mặc dù lạm phát có xu hướng giảm, điều kiện thị trường lao động được cải thiện và chính sách tiền tệ dần nới lỏng, tăng trưởng kinh tế vẫn chưa thể quay trở lại mức trước đại dịch do nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn đáng kể.

Bên cạnh đó, ngày 17/1, *Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 2,7% trong cả hai năm 2025 và 2026*, phản ánh sự phục hồi nhưng còn chậm so với mức tăng trưởng trung bình trước đây. Cùng ngày, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định rằng nền kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục đối mặt với sự phân hóa và bất ổn. *IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ đạt 3,3% trong cả hai năm 2025 và 2026*, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình hàng năm 3,7% trong giai đoạn 2000-2019. Điều này cho thấy, mặc dù kinh tế thế giới đang trên đà hồi phục, song vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua để đạt được sự ổn định và bền vững trong dài hạn.

Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới (WEO) tháng 01/2025, tăng trưởng toàn cầu được dự báo ở mức 3,3% vào cả năm 2025 và 2026, thấp hơn mức trung bình lịch sử (2000–2019) là 3,7%. Dự báo cho năm 2025 về cơ bản không thay đổi so với dự báo trong WEO tháng 10/2024, chủ yếu là do tăng trưởng kinh tế Mỹ bù đắp cho các điều chỉnh giảm ở các nền kinh tế lớn khác.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

Đơn vị tính: %

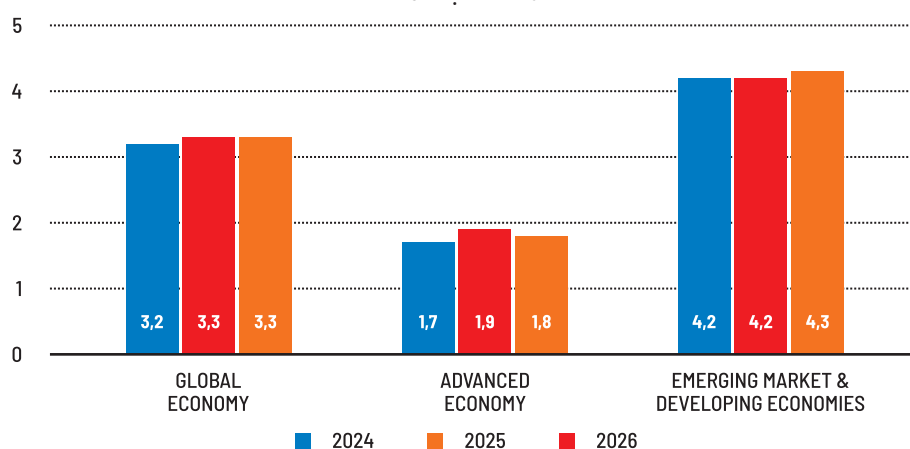


Nguồn: Vibiz tổng hợp

Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống 4,2% vào năm 2025 và xuống 3,5% vào năm 2026.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG CÁC KHU VỰC NĂM 2025 -2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định rằng **nền kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục đối mặt với sự phân hóa và bất ổn**. Rủi ro tăng có thể thúc đẩy tăng trưởng vốn đã mạnh mẽ ở Hoa Kỳ trong ngắn hạn, gián tiếp nâng cao tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên triển vọng trung hạn chưa rõ ràng do chính sách nới lỏng tiền tệ có thể bị ảnh hưởng bởi chiến tranh thương mại và tranh chấp địa chính trị. Việc quản lý những rủi ro này đòi hỏi sự tập trung cao trong việc cân bằng giữa kiểm soát lạm phát và phát triển kinh tế thông qua các cải cách chính sách và hợp tác đa phương chặt chẽ hơn.

Các rủi ro ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu không chỉ bắt nguồn từ các tác động trực tiếp mà phần lớn đến từ các lĩnh vực khác. Diễn đàn Kinh tế Thế giới năm 2025 đã đưa ra Báo cáo rủi ro toàn cầu, đề cập đến các rủi ro chính như sau:

CÁC RỦI RO CHÍNH
ẢNH HƯỞNG ĐẾN TOÀN CẦU TRONG NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

RỦI RO NGẮN HẠN (2 năm)	RỦI RO DÀI HẠN (10 năm)
1. Thông tin sai lệch và thông tin sai sự thật.	1. Các sự kiện thời tiết khắc nghiệt.
2. Các sự kiện thời tiết khắc nghiệt.	2. Mất đa dạng sinh học và sụp đổ hệ sinh thái.
3. Xung đột vũ trang giữa các quốc gia.	3. Thay đổi nghiêm trọng đối với trái đất.
4. Phân cực xã hội.	4. Thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên.
5. Gián điệp và chiến tranh mạng.	5. Thông tin sai lệch và thông tin sai sự thật.
6. Ô nhiễm.	6. Hậu quả bất lợi của công nghệ A.I
7. Bất bình đẳng.	7. Bất bình đẳng.
8. Di cư hoặc di dời không tự nguyện.	8. Phân cực xã hội.
9. Đối đầu địa kinh tế.	9. Gián điệp và chiến tranh mạng.
10. Xói mòn nhân quyền và/hoặc quyền tự do công dân.	10. Ô nhiễm.

Nguồn: WEF 2025



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

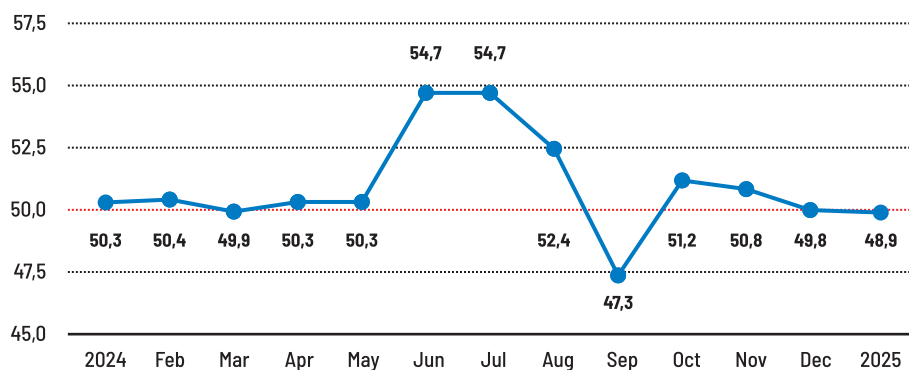
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 1/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt kết quả 48,9 trong tháng 01/2025, giảm 0,9 điểm so với 49,8 điểm của tháng 12/2024 và giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm.

Các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất của Việt Nam xấu đi trong tháng đầu năm 2025 trong bối cảnh cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm trở lại. Các công ty đã ứng phó với khối lượng công việc giảm bằng cách cắt giảm việc làm và giảm lượng tồn kho cả hàng nguyên liệu và hàng thành phẩm. Trong khi đó, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại, tạo cơ hội cho các công ty giảm giá bán hàng trong những nỗ lực kích thích nhu cầu.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 1/2025



Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 1/2025 ước tính giảm 9,2% so với tháng trước và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện tăng 0,4%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,2%. Riêng ngành khai khoáng giảm 10,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 47 địa phương và giảm ở 16 địa phương trên cả nước.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 1/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 63,15 tỷ USD, giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu giảm 4,3%; nhập khẩu giảm 2,6%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,03 tỷ USD.

■ *Xuất khẩu hàng hóa*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 1/2025 đạt 33,09 tỷ USD, giảm 6,9% so với tháng trước và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng 1/2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 29,43 tỷ USD, chiếm 89,0%

■ *Nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 1/2025 đạt 30,06 tỷ USD, giảm 14,1% so với tháng trước và giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tháng 1/2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 28,26 tỷ USD, chiếm 94,0%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 1/2025 xuất siêu 3,03 tỷ USD. Trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 4,43 tỷ USD.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng 1/2025, cả nước có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 6,6% so với tháng trước và giảm 30,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước có gần 22,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, gấp 2,6 lần so với tháng 12/2024 và tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2024, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tháng 1/2025 lên hơn 33,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 15,0% so với cùng kỳ năm trước. *Đây cũng là số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động cao nhất kể từ tháng 1/2022 cho tới nay (19,1 nghìn doanh nghiệp).*

Cũng trong tháng 1/2025, có 52,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước; có gần 3,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 55,2%; có 2.021 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 8,3%. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 58,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 1/2025 ước đạt 35,4 nghìn tỷ đồng, bằng 4,1% kế hoạch năm và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 4,1% và tăng 16,9%).

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 đến ngày 31/1/2025 đạt 93,12% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn cùng kỳ năm trước (91,42%), số tuyệt đối cao hơn khoảng 132 nghìn tỷ đồng.

Về tình hình phân bổ, giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 được Quốc hội quyết nghị và được Thủ tướng Chính phủ giao là 825,9 nghìn tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/1/2025 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 4,33 tỷ USD, tăng 48,6% so với cùng kỳ năm trước.

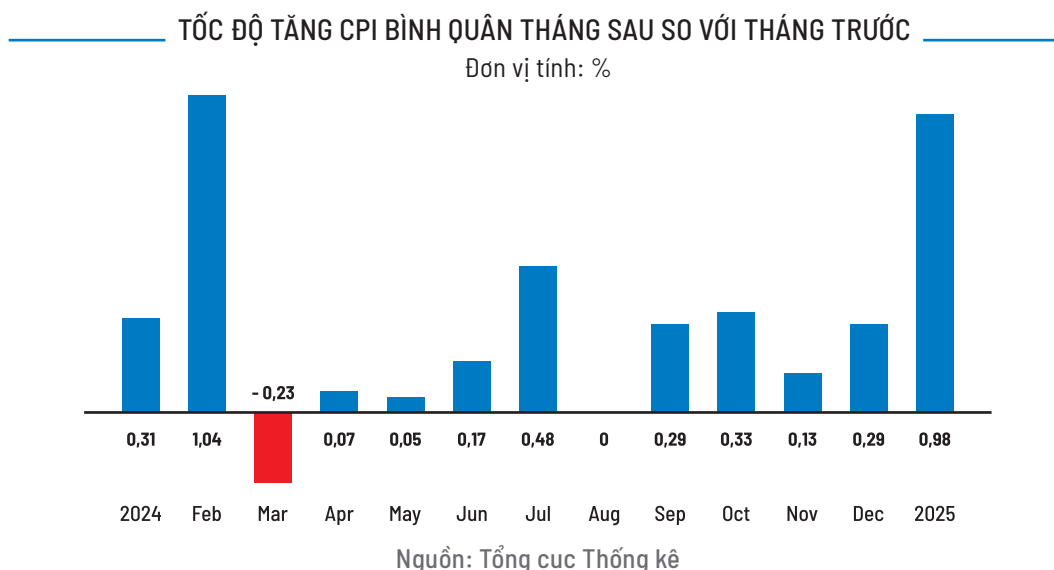
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 1/2025 ước đạt 1,51 tỷ USD, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 1/2025 có 10 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 83,0 triệu USD, gấp 5,1 lần so với cùng kỳ năm trước.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2025 tăng 0,98% so với tháng trước, nguyên nhân chính do một số địa phương thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, giá dịch vụ giao thông, thực phẩm tăng do nhu cầu đi lại và mua sắm của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ

So với cùng kỳ năm 2024, CPI tháng 1/2025 tăng 3,63%; lạm phát cơ bản tháng 1/2025 tăng 3,07%.



1.2. Thị trường tài chính – tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế năm 2024 tăng khoảng 15,08% so với cuối năm 2023, tương đương 2,1 triệu tỷ đồng được đưa vào nền kinh tế - đạt mục tiêu đề ra.

Tháng 1/2025, tính đến ngày 20/1/2025, tín dụng đối với nền kinh tế chỉ tăng nhẹ 0,08% so với cuối năm 2024, phản ánh xu hướng chững lại sau giai đoạn cao điểm mua sắm và tiêu dùng dịp cuối năm.

Dự kiến trong năm 2025, các tổ chức tín dụng (TCTD) sẽ tiếp tục duy trì chính sách tín dụng linh hoạt, với xu hướng giữ nguyên hoặc nới lỏng nhẹ tiêu chuẩn tín dụng tổng thể. Đặc biệt, các doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ chính sách “nới lỏng” tiêu chuẩn cấp tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Dự báo dư nợ tín dụng toàn hệ thống sẽ tăng khoảng 3,4% trong quý I/2025 và đạt mức tăng trưởng 14,2% cho cả năm 2025, điều chỉnh giảm nhẹ 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng tín dụng ngắn hạn được dự báo cao hơn trung dài hạn, phản ánh nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất – kinh doanh trong ngắn hạn vẫn ở mức cao.

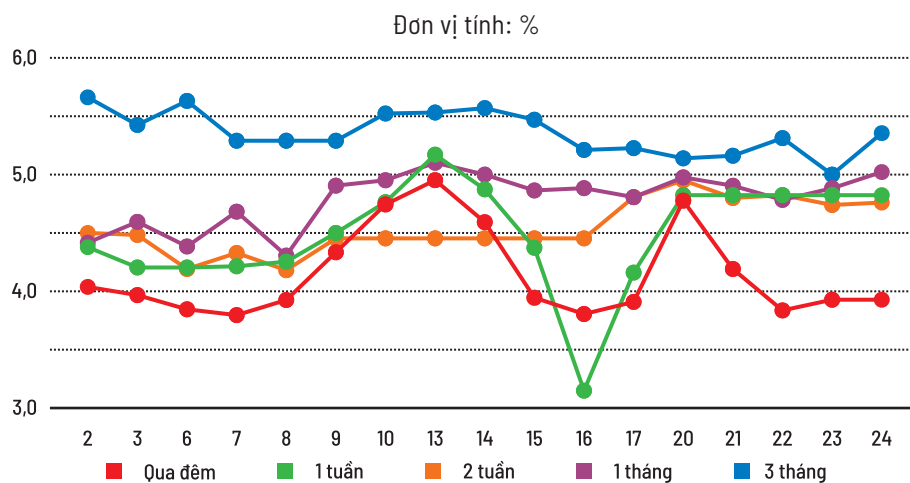
Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã công khai nguyên tắc giao tăng trưởng tín dụng năm 2025, với mục tiêu toàn hệ thống đạt khoảng 16%. Đồng thời, NHNN tiếp tục thực hiện lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tín dụng theo từng TCTD, phù hợp với Nghị quyết số 62/2022/QH15. Trong năm 2025, các TCTD dự kiến giữ nguyên hoặc “nới lỏng” nhẹ tiêu chuẩn tín dụng tổng thể, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định thị trường tài chính.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 1/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã có nhiều biến động đáng kể giữa các kỳ hạn khác nhau. Đầu tháng lãi suất duy trì ổn định trong khoảng 4-5%, phản ánh sự cân bằng giữa cung và cầu vốn trên thị trường. Tuy nhiên, từ giữa tháng, lãi suất kỳ hạn qua đêm giảm mạnh xuống dưới 4% do thanh khoản dồi dào, khiến các ngân hàng không cần vay mượn với lãi suất cao. Đến cuối tháng, lãi suất tăng trở lại ở tất cả các kỳ hạn, phản ánh nhu cầu vốn gia tăng khi các ngân hàng cần chuẩn bị nguồn lực tài chính cho hoạt động đầu năm mới. Đặc biệt, lãi suất kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng cũng nhích lên, cho thấy sự thận trọng của các ngân hàng trước những biến động tiềm ẩn trên thị trường.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 2/2025

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 1/2025



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến tháng 1/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 1/2025

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

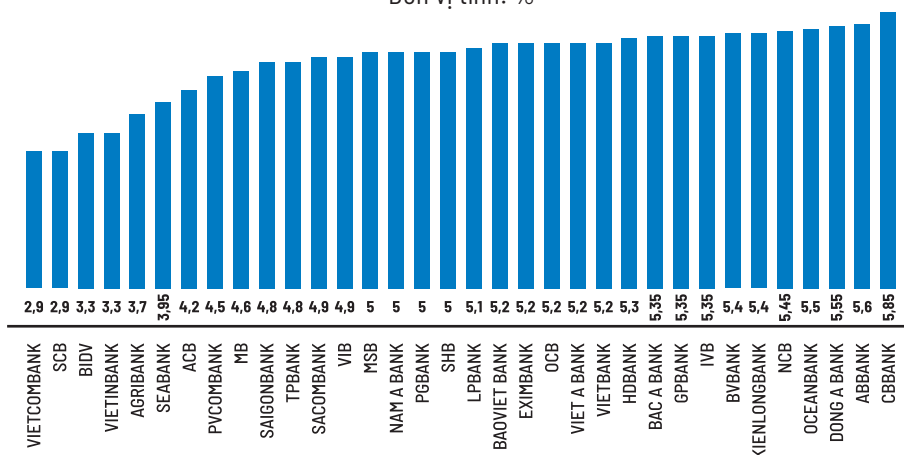
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 1/2025, đã có tổng cộng 12 ngân hàng thực hiện điều chỉnh lãi suất huy động. Trong đó, có 10 ngân hàng đã thực hiện tăng lãi suất huy động, bao gồm Agribank, Bac A Bank, NCB, MBV, Eximbank (tăng 2 lần), KienlongBank (tăng 2 lần), VietBank, ABBank, BaoViet Bank, và BVBank.

Bên cạnh đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND tại ngân hàng tiếp tục tăng so với tháng trước, với mức tăng thêm từ 0,05 - 0,3%. Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng, lãi suất dao động từ 2,3% - 4,6%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,85%. Kỳ hạn 12 tháng dao động từ 3,7% - 6,3%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THÁNG 1/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ

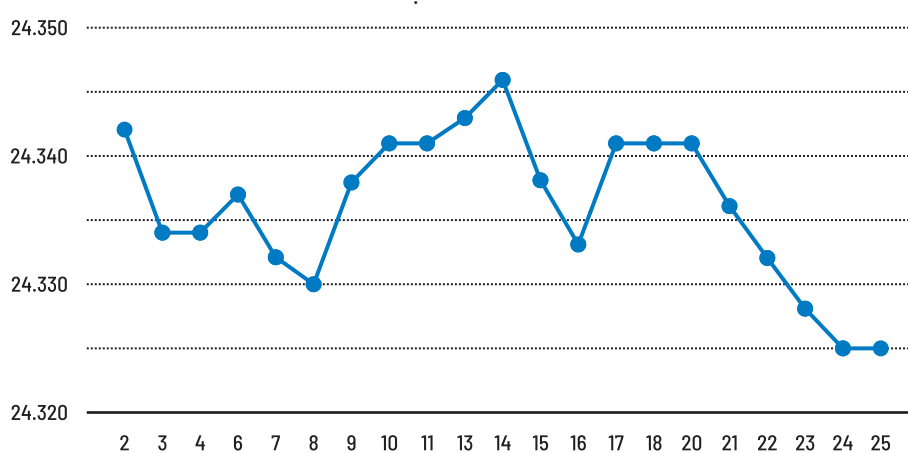
1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 1/2025, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam duy trì sự ổn định tương đối trên cả thị trường chính thức và thị trường tự do, với biên độ dao động không quá lớn.

Trên thị trường chính thức, tỷ giá trung tâm có xu hướng giảm nhẹ nhưng ổn định trong suốt tháng. Đầu tháng, tỷ giá trung tâm ở mức 24.350 VND/USD, phản ánh nhu cầu mua USD tương đối cao do các yếu tố kinh tế vĩ mô tác động. Đến giữa tháng, tỷ giá giảm nhẹ xuống khoảng 24.340 - 24.330 VND/USD do nguồn cung USD tăng từ kiều hối và xuất khẩu, cũng như sự can thiệp kịp thời của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nhằm ổn định thị trường ngoại hối. Cuối tháng, tỷ giá tiếp tục giảm xuống 24.320 VND/USD, cho thấy chính sách quản lý linh hoạt và hiệu quả của NHNN trong việc kiểm soát tỷ giá, hỗ trợ xuất khẩu và kiểm soát lạm phát.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 1/2025

Đơn vị tính: VND/USD



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Trên thị trường tự do, tỷ giá USD biến động mạnh do tác động từ yếu tố quốc tế. Đầu tháng, tỷ giá tăng nhẹ do nhu cầu mua USD cao, nhưng giảm giữa tháng nhờ nguồn cung từ kiều hối và xuất khẩu. Cuối tháng, tỷ giá lại tăng do lo ngại về bất ổn kinh tế toàn cầu và chính sách thương mại của Hoa Kỳ.

Về diễn biến tỷ giá trong thời gian tới, do bộ đệm dự trữ ngoại hối mỏng, biến động tỷ giá năm 2025 sẽ tùy thuộc vào cung - cầu ngoại tệ trong nước, triển vọng tăng giá của đồng USD và chính sách thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam. Theo đó, ở kịch bản cơ sở, tỷ giá dao động trong biên độ $\pm 5\%$ và kết thúc năm 2025 ở mức 26.200 đồng/USD. Ở kịch bản tiêu cực, tỷ giá USD/VND có thể tăng vượt 26.200 đồng nếu Mỹ áp thuế quan 10 - 20% đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong nửa sau năm 2025.

1.2.4. Giá vàng

Trong tháng 1/2025, giá vàng miếng SJC và vàng nhẫn trong nước tăng khoảng 5% nhưng vẫn thấp hơn so với mức tăng 5,4% của giá vàng thế giới.

Nguyên nhân chính tạo nên đà tăng của giá vàng xuất phát từ những bấp bênh xoay quanh chính sách thương mại của Tổng thống Donald Trump. Theo phân tích của các tổ chức tài chính, giá vàng thế giới có thể tăng 10% - 20% so với mức giá hiện tại (vượt qua mức 3000USD/ounce).

1.2.5. Chứng khoán

Trong tháng 1/2025, diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam khá trầm lắng, khi VN-Index đóng cửa tại 1.265,05 điểm, giảm nhẹ 1,73 điểm, giảm 0,14% so với tháng 12/2024. Bên cạnh đó, thanh khoản suy yếu đáng kể với giá trị giao dịch bình quân phiên giảm 23,4% xuống 11.406 tỷ đồng, tiệm cận mức thấp nhất trong ba năm qua. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên ba sàn HOSE, HNX và UPCoM chỉ đạt 12.836 tỷ đồng/phiên, trong đó giá trị khớp lệnh giảm 20,7% so với tháng trước và giảm sâu 42,4% so với bình quân một năm.

Sự sụt giảm thanh khoản thể hiện rõ nhất ở nhóm vốn hóa vừa (VNMID: -25,3%) và nhỏ (VNSML: -28,9%), trong khi nhóm VN30 với các cổ phiếu vốn hóa lớn giảm thanh khoản ít hơn (-14,3%). Đây cũng là tháng thứ ba liên tiếp nhóm VN30 ghi nhận sự suy giảm dòng tiền, dù tỷ trọng của nhóm này trong tổng giao dịch thị trường tăng nhẹ lên 47,7% từ mức 45% tháng trước.

Xét về diễn biến giá, nhóm vốn hóa vừa (VNMID) đi ngược xu hướng chung với mức tăng nhẹ 0,37%, nhưng không có sự hỗ trợ rõ ràng từ dòng tiền. Ngược lại, nhóm VN30 giảm 0,53% và nhóm vốn hóa nhỏ (VNSML) giảm sâu nhất 2,05%, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh thanh khoản suy giảm.

Dù thị trường khởi đầu năm 2025 với sự điều chỉnh giảm nhẹ, triển vọng dài hạn vẫn lạc quan nhờ các yếu tố hỗ trợ như chính sách tiền tệ nới lỏng, kinh tế toàn cầu dần ổn định, xuất nhập khẩu phục hồi và giải ngân đầu tư công mạnh mẽ.

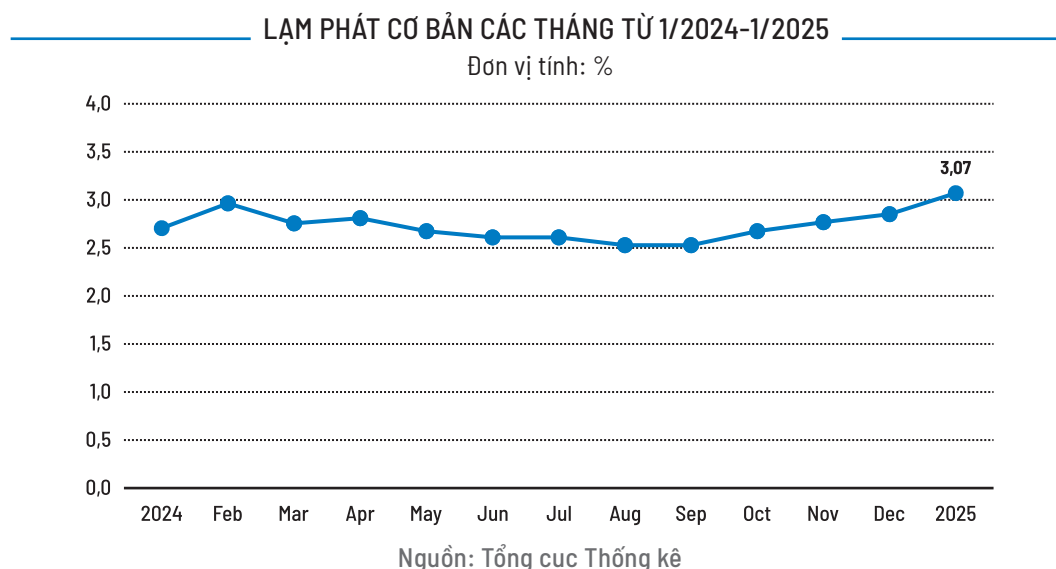
Đặc biệt, nhóm ngành dầu khí đang nhận được nhiều kỳ vọng khi giá dầu duy trì ổn định ở mức 70-80 USD/thùng, cùng với sự phát triển của các dự án thượng nguồn và chiến lược mở rộng đầu tư của các tập đoàn năng lượng lớn trong nước, các cổ phiếu như PVD, PVS, BSR, POW, GAS, PVT và DPM được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng tích cực.

Dự báo cho năm 2025, VN-Index có thể bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với kịch bản tích cực là tăng 13% - 21% từ vùng đáy 1.165 - 1.198 điểm, hướng đến các mốc 1.345-1.397 điểm. Tuy nhiên, kịch bản tiêu cực cũng có thể xảy ra do những biến động bất ngờ từ thị trường tài chính quốc tế hoặc các nền kinh tế lớn tiếp tục gặp khó khăn. Mốc rủi ro quan trọng là khi VN-Index phá qua 1.198 điểm, báo hiệu nhà đầu tư nên thận trọng hơn với các vị thế giao dịch ngắn và trung hạn.

Nhìn chung, dù thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2025 với sự điều chỉnh về thanh khoản và giá, nhưng triển vọng trung và dài hạn vẫn khả quan, đặc biệt là với các nhóm ngành có nền tảng vững chắc và tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ.

1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 1/2025 tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 3,07% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tăng 3,07% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,63%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Đề xuất một số quy định chi tiết về hoạt động kinh doanh xăng dầu

Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu, thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Dự thảo bổ sung nhiều quy định chi tiết, đặc biệt về việc kết nối dữ liệu kinh doanh xăng dầu. Cụ thể, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện kết nối các dữ liệu kinh doanh xăng dầu (dữ liệu cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu, dữ liệu hệ thống phân phối xăng dầu, dữ liệu nhập - xuất - tồn kho xăng dầu) với Bộ Công Thương, tương thích với chương trình điện tử do Bộ Công Thương quy định.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu về thực hiện kết nối dữ liệu kinh doanh xăng dầu do thương nhân cung cấp, Vụ Thị trường trong nước chuyển hồ sơ, tài liệu về thực hiện kết nối dữ liệu kinh doanh xăng dầu của thương nhân tới Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đánh giá, gửi thông báo xác nhận việc hoàn thành/chưa hoàn thành kết nối dữ liệu kinh doanh xăng dầu của thương nhân với Bộ Công Thương tới Vụ Thị trường trong nước.

Đối với xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân sản xuất xăng dầu được xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu theo kế hoạch đăng ký với Bộ Công Thương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. Bộ Công Thương xem xét đề nghị xuất khẩu xăng dầu của thương nhân trên cơ sở cân đối nguồn cung, nhu cầu tiêu thụ trong nước, để đảm bảo việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến cung cầu xăng dầu tại thị trường trong nước.

Chỉ thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

Dự thảo cũng quy định nguyên tắc xây dựng, điều chỉnh yếu tố cấu thành trong công thức giá bán xăng dầu. Theo đó, yếu tố cấu thành trong công thức giá bán xăng dầu được xây dựng căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan, kết quả tổng hợp số liệu từ các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân sản xuất xăng dầu và tình hình thực tế hoạt động kinh doanh xăng dầu trong từng thời kỳ.

Các khoản chi phí định mức trong giá bán xăng dầu là khoản chi phí tổng hợp tối đa được rà soát, đánh giá và xây dựng trên cơ sở nguồn số liệu theo quy định tại Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu.

Đối với các sản phẩm xăng dầu, Bộ Công Thương không công bố giá thế giới, các thương nhân căn cứ công thức tính các khoản chi phí cấu thành giá xăng dầu tại Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu và Thông tư này để xác định.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu sau khi điều chỉnh giá bán xăng dầu phải thực hiện công bố giá bán buôn, bán lẻ xăng dầu trong hệ thống phân phối và thông báo về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương và cơ quan Quản lý thị trường nơi thương nhân có hệ thống phân phối.

Thương nhân phân phối xăng dầu sau khi điều chỉnh giá bán xăng dầu phải thực hiện công bố giá bán buôn, bán lẻ xăng dầu trong hệ thống phân phối và thông báo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương và cơ quan Quản lý thị trường nơi thương nhân có hệ thống phân phối.

Để bình ổn giá xăng dầu, trên cơ sở chủ trương bình ổn giá của Chính phủ, Bộ Công Thương chủ trì triển khai, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một hoặc một số phương thức để xác định nguyên nhân biến động giá theo quy định Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Trình tự, thủ tục, tổ chức bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành có liên quan tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

■ ***Cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải kết nối tự động với Cơ quan Thuế 100 %***

Ngày 24/1, đại diện Tổng cục Thuế đã ban hành Thông báo số 60/TB-TCT ngày 17/1/2025, yêu cầu các Cục Thuế về việc thực hiện hoàn thành mục tiêu chậm nhất trong tháng 3/2025, số cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu áp dụng giải pháp kết nối tự động đạt tỷ lệ 100 % tổng số cửa hàng kinh doanh bán lẻ trên toàn quốc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 129/CĐ-TTg. Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế chưa hoàn thành mục tiêu cần xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng cần thực hiện thành công trong quý I/2025.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Kết quả tăng trưởng kinh tế năm 2024 góp phần tạo đà để Việt Nam đạt được thành tựu cao hơn trong năm 2025 và giai đoạn 2026-2030. Ngày 08/1/2025 Chính phủ đã ban hành *Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025*, trong đó có một số mục tiêu cụ thể sau:

MỘT SỐ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

	GDP CẢ NƯỚC TỐI THIỂU	8 %
8-10 %	GRDP CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TỐI THIỂU	
	TỈ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN VÀO GDP	55 %
4,5 %	LẠM PHÁT	
	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TĂNG	10-12 %

Nguồn: Nghị quyết: 01/NQ-CP

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Nghị quyết cũng đã đưa ra 12 nhóm nhiệm vụ giải pháp, trong đó đặc biệt nêu bật nhóm giải pháp về thể chế, *xác định đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá” phải đi sớm, đi trước mở đường cho phát triển*.

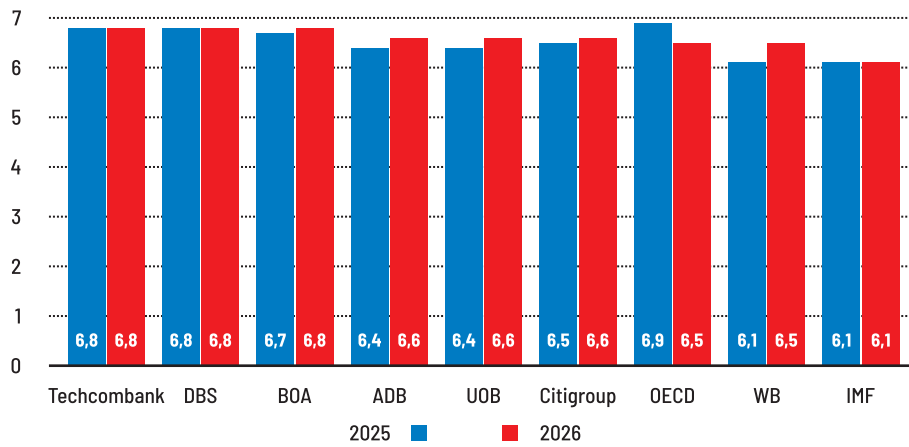
Trong tháng 1/2025, các tổ chức quốc tế tiếp tục đưa ra những dự báo lạc quan về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, phản ánh niềm tin vào triển vọng phát triển của nền kinh tế đất nước, bất chấp những biến động và thách thức hiện tại của nền kinh tế toàn cầu.

Ngày 09/1/2025, Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 từ 6,6% lên 7%. *Quyết định này được đưa ra dựa trên đà tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2024, khi nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt xa dự báo chung của thị trường là 6,7%.*

Đồng quan điểm về triển vọng tích cực này, ngày 17/1/2025, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng GDP 6,6% trong năm 2025 và có thể giảm nhẹ xuống còn 6,3% vào năm 2026. Mặc dù dự báo này thấp hơn mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ Việt Nam đặt ra là 8%, nhưng Việt Nam vẫn nằm trong nhóm ba nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực châu Á, chỉ sau Bhutan và Ấn Độ, với mức tăng trưởng dự kiến là 7,2%.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2024-2025

Đơn vị tính: %

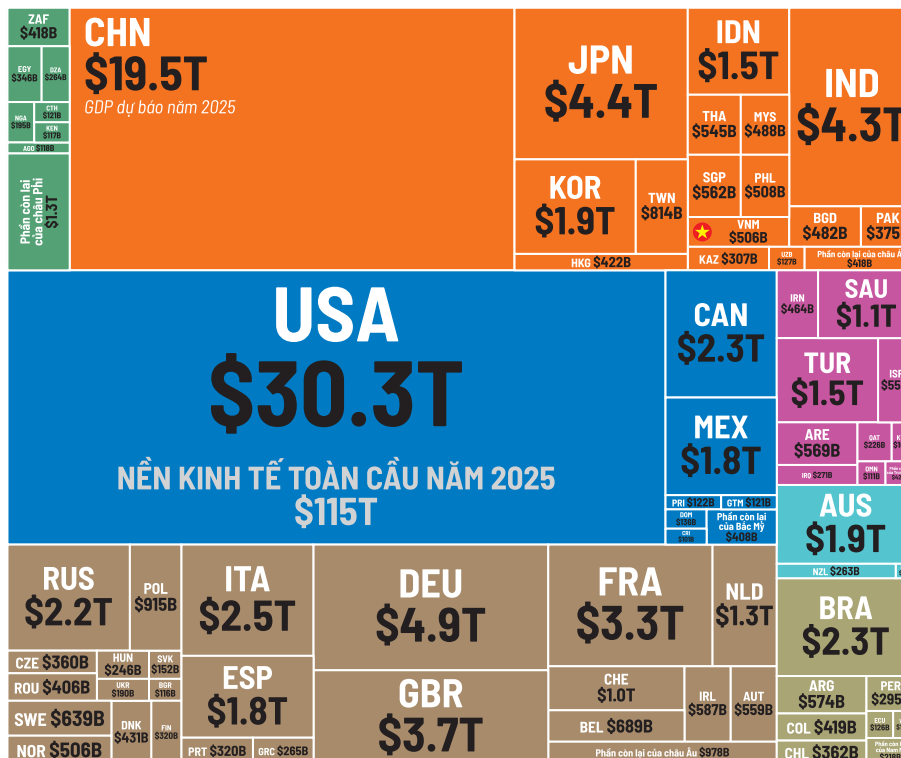


Nguồn: Vibiz tổng hợp

Theo dự báo của IMF, nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt quy mô 506 tỷ USD trong năm 2025, đứng thứ 33 toàn cầu. Con số này tăng so với GDP 433 tỷ USD và vị trí 34 của năm 2023. Năm 2020, GDP của Việt Nam đạt 346 tỷ USD, đứng thứ 37 trên thế giới.

QUY MÔ NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2025

\$T: Nghìn tỷ USD / \$B: Tỷ USD





THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 1/2025, tình hình cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục thắt chặt do các yếu tố kinh tế và chính trị tạo ra áp lực lớn lên chuỗi cung ứng.

Nga tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ các lệnh trừng phạt ngày càng siết chặt của phương Tây, khiến xuất khẩu dầu thô qua đường biển giảm mạnh. Các tàu chở dầu Nga gặp nhiều trở ngại trong việc chuyển giao dầu tại nhiều khu vực trên thế giới, làm gia tăng sự mất cân đối trong dòng chảy dầu mỏ toàn cầu.

Tại Libya, tình hình càng thêm căng thẳng khi các cuộc biểu tình nổ ra vào cuối tháng 1, dẫn đến việc phong tỏa hai cảng xuất khẩu quan trọng là Es Sider và Ras Lanuf. Sự kiện này khiến khoảng 450.000 thùng dầu/ngày không thể xuất khẩu, gây gián đoạn nghiêm trọng đến nguồn cung dầu mỏ khu vực và toàn cầu.

Trong khi đó, tại Trung Đông, căng thẳng địa chính trị tiếp tục leo thang với các cuộc tấn công nhắm vào cơ sở hạ tầng dầu mỏ ở Iraq, dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về sản lượng và xuất khẩu của quốc gia này.

Bên cạnh những bất ổn từ các khu vực sản xuất lớn, lượng dự trữ dầu thô của Mỹ cũng giảm mạnh trong tháng qua, tạo thêm áp lực lên nguồn cung toàn cầu và thị trường nội địa Mỹ, khiến các quốc gia nhập khẩu dầu phụ thuộc phải tìm kiếm các nguồn cung thay thế.

Ngoài ra, sản lượng dầu của Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) trong tháng qua cũng suy giảm do sự sụt giảm đáng kể từ Iran và Nigeria. Đáng chú ý, Ả Rập Xê Út, nhà sản xuất dẫn đầu của OPEC cũng ghi nhận mức giảm nhẹ trong tháng 1/2025 so với tháng 12/2024.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu trong tháng qua vẫn duy trì ở mức cao. Châu Á và châu Âu tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu nội địa, trong khi Mỹ ghi nhận xu hướng chững lại do tác động của giá nhiên liệu tăng và điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Tại châu Á, Trung Quốc tăng cường nhập khẩu dầu thô nhằm đáp ứng nhu cầu sưởi ấm trong mùa đông và hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế. Các nhà máy lọc dầu nước này ưu tiên nguồn cung từ Trung Đông và châu Phi để bù đắp sự sụt giảm từ Nga và Iran. Đáng chú ý, Trung Quốc đang đẩy mạnh nhập khẩu dầu từ các nước Trung Đông, ngoại trừ Iran, nhằm ứng phó với các lệnh trừng phạt mới của Mỹ đối với ngành công nghiệp dầu mỏ Nga.

Cùng với đó, tại Ấn Độ, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu vẫn ở mức cao, nhất là xăng và dầu diesel, khi hoạt động công nghiệp và du lịch tiếp tục sôi động sau mùa lễ hội.

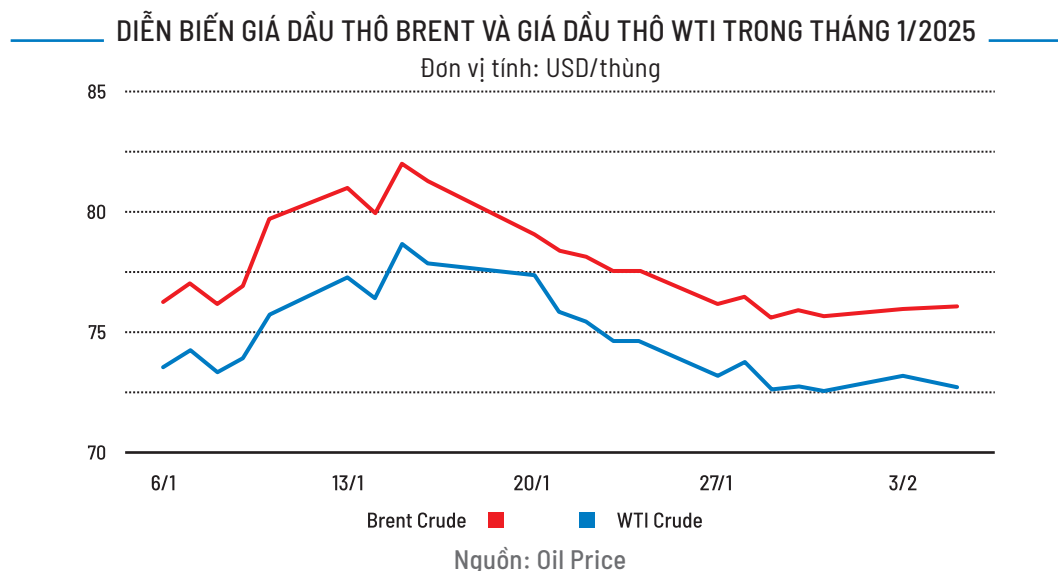
Tại châu Âu, nhu cầu dầu mỏ ổn định, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông vận tải và công nghiệp nặng. Các quốc gia trong khu vực tiếp tục tìm kiếm nguồn cung thay thế từ Mỹ và Trung Đông nhằm giảm sự phụ thuộc vào dầu Nga.

Trái ngược với xu hướng tăng trưởng tại châu Á và châu Âu, Mỹ ghi nhận sự chững lại trong nhu cầu tiêu thụ dầu do giá nhiên liệu nội địa tăng nhẹ, ảnh hưởng đến sức mua của người dân. Thêm vào đó, những cơn bão mùa đông trong tuần qua đã gây gián đoạn hoạt động đi lại, làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước.

■ Diễn biến giá

Trong tháng 1/2025, giá dầu thô có nhiều biến động mạnh, với xu hướng tăng trong nửa đầu tháng do nhu cầu tiêu thụ cao, đặc biệt tại châu Á và châu Âu trong mùa đông. Đến giữa tháng, giá dầu Brent và WTI đạt mức cao nhất nhưng nhanh chóng bị kìm hãm khi nguồn cung dần ổn định và lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu gia tăng.

Bên cạnh đó, giá dầu cũng chịu thêm áp lực từ các chính sách thuế quan của Mỹ đối với dầu nhập khẩu từ Canada và Mexico, làm dấy lên lo ngại về chuỗi cung ứng năng lượng. Đồng thời, cuộc họp sắp tới của OPEC+ về kế hoạch tăng sản lượng và tình trạng căng thẳng địa chính trị kéo dài tiếp tục là những yếu tố chi phối giá dầu trong tháng qua.



1.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường xăng dầu trong nước tháng 1/2025 tiếp tục duy trì sự ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ và đảm bảo nguồn cung cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cả nước.

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gia tăng do hoạt động đi lại và sản xuất tăng tốc vào cuối năm, Việt Nam đã nhập khẩu 1,08 triệu tấn xăng dầu và dầu thô trong nửa đầu tháng 1/2025, với tổng giá trị 0,66 tỷ USD, tăng lần lượt 35% về lượng và 25% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

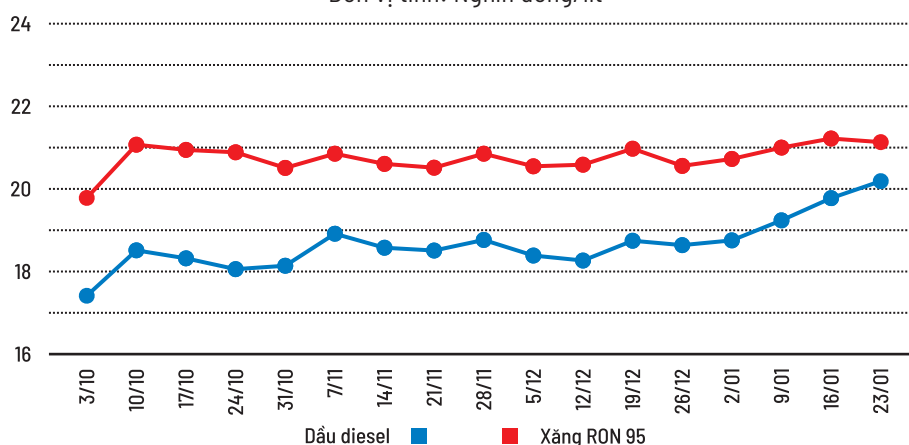
Ngoài ra, chiết khấu xăng dầu tại nhiều kho vào ngày 21/1 dao động trong khoảng 1.200 - 1.350 đồng/lít, cao hơn so với các tháng trước, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp bán lẻ.

Trong tháng qua, chỉ số giá xăng tăng 2,02% và giá dầu diesel tăng 4,99% so với tháng trước, phản ánh tác động của các kỳ điều chỉnh giá theo biến động thị trường.

Lũy kế từ đầu năm 2025 đến nay, giá xăng dầu trong nước đã trải qua 3 kỳ điều chỉnh, với 2 lần tăng và 1 lần giảm đối với giá xăng, trong khi giá dầu diesel có 1 lần tăng và 2 lần giảm.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/lít



Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Dự báo

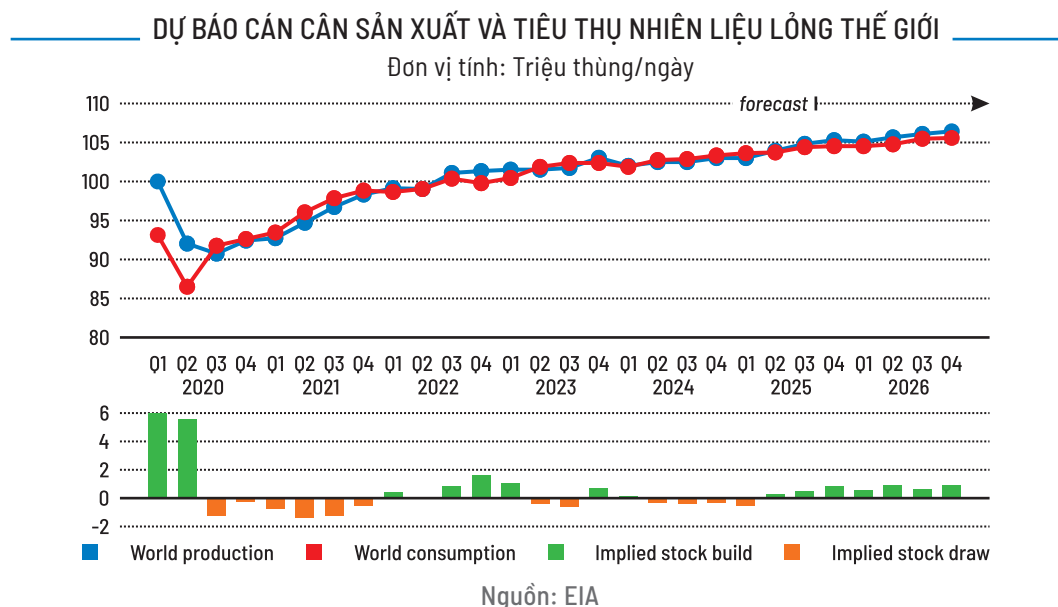
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ

Nguồn cung dầu mỏ toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các yếu tố từ các chính sách thuế quan và trừng phạt của Mỹ, động thái của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) và sự gia tăng sản lượng từ các quốc gia ngoài khối. Cụ thể, việc Mỹ áp thuế nhập khẩu đối với dầu mỏ từ Canada, Mexico và Trung Quốc làm tăng chi phí nhập khẩu, từ đó có thể làm thay đổi dòng chảy thương mại dầu mỏ và tạo áp lực lên giá dầu khi các nước xuất khẩu phải tìm kiếm thị trường thay thế. Ngoài ra, các lệnh trừng phạt mới của Mỹ nhắm vào Nga và Iran gia tăng nguy cơ gián đoạn nghiêm trọng chuỗi cung ứng dầu mỏ, dẫn đến sự thắt chặt nguồn cung.

Ngày 14/1, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo sản lượng dầu và nhiên liệu lỏng toàn cầu năm 2025 sẽ đạt trung bình 104,4 triệu thùng/ngày, cao hơn so với dự báo trước đó là 104,2 triệu thùng/ngày. Sự điều chỉnh này chủ yếu nhờ quyết định nới lỏng cắt giảm sản lượng của OPEC+.

Cùng ngày, Trung tâm Nghiên cứu Dầu khí King Abdullah (KAPSARC) dự báo sản lượng toàn cầu sẽ tăng 1,48 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và 1,98 triệu thùng/ngày vào năm 2026, dẫn đến dư thừa 260.000 thùng/ngày trong năm 2025 và 1,01 triệu thùng/ngày vào năm 2026.



Ngoài ra, ngày 15/1, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo nguồn cung chất lỏng không thuộc DoC (nguồn cung chất lỏng từ các quốc gia không tham gia Tuyên bố hợp tác) sẽ tăng 1,1 triệu thùng/ngày so với năm 2024, chủ yếu do tăng trưởng sản lượng tại Mỹ, Brazil, Canada và Na Uy. Nguồn cung chất lỏng không thuộc DoC vào năm 2026 dự kiến sẽ đạt 1,1 triệu thùng/ngày, chủ yếu do Mỹ, Brazil và Canada thúc đẩy.

Cũng trong ngày 15/1, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) kỳ vọng tăng trưởng nguồn cung dầu toàn cầu sẽ đạt 1,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025*, trong đó các nước ngoài Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đối tác (OPEC+) chiếm phần lớn ở mức 1,5 triệu thùng/ngày. Mức tăng này cao hơn so với dự báo về tăng trưởng nhu cầu dầu trong năm nay. - Bên cạnh đó, theo IEA, các thực thể của Nga và Iran trong diện trừng phạt đang cung ứng 1/3 lượng dầu thô xuất khẩu của Nga và Iran trong năm 2024. Cơ quan này tuyên bố vẫn duy trì dự báo nguồn cung cho cả Nga và Iran cho đến khi tác động của các lệnh trừng phạt trở nên rõ ràng hơn. Tuy nhiên, các biện pháp mới có thể dẫn đến việc thắt chặt nguồn cung dầu thô toàn cầu.

■ *Cầu dầu mỏ*

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của Mỹ, triển vọng nhu cầu dầu mỏ tiếp tục có những điều chỉnh quan trọng từ các tổ chức nghiên cứu.

Ngày 14/1, *Trung tâm Nghiên cứu Dầu khí King Abdullah (KAPSARC) của Saudi Arabia dự báo tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ tăng 1,21 triệu thùng/ngày, đạt 103,74 triệu thùng/ngày vào năm 2025, trước khi tăng thêm 1,23 triệu thùng/ngày lên 104,97 triệu thùng/ngày vào năm 2026.*

Cùng ngày, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã điều chỉnh giảm dự báo nhu cầu dầu toàn cầu, với mức trung bình dự kiến đạt 104,1 triệu thùng/ngày vào năm 2025, thấp hơn con số 104,3 triệu thùng/ngày trong dự báo trước đó và vẫn chưa trở lại mức tăng trưởng như trước đại dịch.*

Ngày 15/1, *OPEC dự báo nhu cầu dầu sẽ tăng 1,45 triệu thùng/ngày vào năm 2025 và 1,43 triệu thùng/ngày vào năm 2026*, với nhiên liệu vận tải được kỳ vọng là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu di chuyển bằng đường hàng không tiếp tục gia tăng.

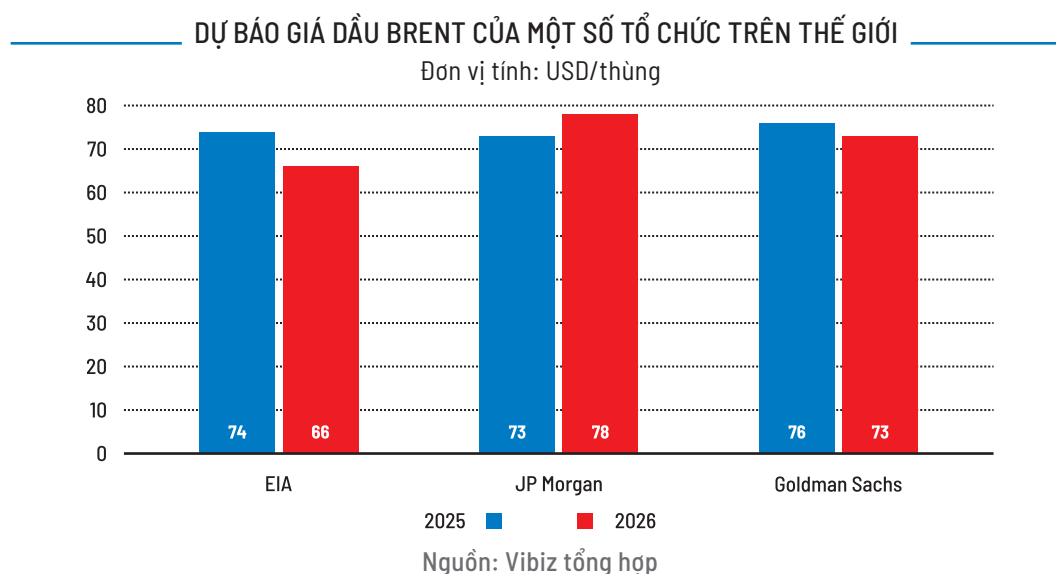
Bên cạnh đó, cũng trong ngày 15/1, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 xuống còn 1,06 triệu thùng/ngày, giảm 20.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó. IEA nhận định thị trường dầu mỏ toàn cầu có thể dư cung trong năm 2025 do tốc độ tăng trưởng nhu cầu chậm lại trong khi nguồn cung tiếp tục gia tăng.*

■ *Diễn biến giá*

Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ tiếp tục diễn biến phức tạp, các tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo trái chiều về giá dầu trong năm 2025 và 2026.

Theo *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA)*, *giá dầu Brent sẽ chịu áp lực do tăng trưởng sản lượng toàn cầu vượt nhu cầu, với mức giá trung bình dự kiến là 74 USD/thùng vào năm 2025, giảm 8% so với năm trước, và tiếp tục giảm xuống 66 USD/thùng vào năm 2026.*

Trong khi đó, hai tổ chức là *JP Morgan* và *Goldman Sachs* lần lượt dự báo giá dầu Brent đạt trung bình 73 USD/thùng và 76 USD/thùng vào năm 2025. Trong khi đó, *Goldman Sachs* cũng đã nâng dự báo giá dầu Brent lên 78 USD/thùng trong năm 2025 và 73 USD/thùng vào năm 2026, với nhận định rằng thuế quan mới từ Mỹ đối với hàng nhập khẩu từ Canada, Mexico và Trung Quốc sẽ có tác động hạn chế đến thị trường dầu mỏ.



Ngoài ra, Ngân hàng *Standard Chartered* có quan điểm lạc quan hơn, dự báo giá dầu Brent sẽ dao động theo quý trong năm 2025, với mức trung bình 82 USD/thùng trong quý I/2025, tăng lên 84 USD/thùng vào quý II/2025, 89 USD/thùng vào quý III/2025 và đạt đỉnh 93 USD/thùng vào quý IV/2025. Ngoài ra, *Standard Chartered* dự báo giá dầu Brent sẽ ở mức 91 USD/thùng vào quý I/2026 và tăng lên 93 USD/thùng vào quý II/2026.

Thêm vào đó, việc OPEC+ đối mặt với thách thức trong việc điều chỉnh sản lượng, cùng với sự gia tăng sản lượng từ Mỹ và các quốc gia sản xuất dầu lớn ngoài OPEC, có thể dẫn đến tình trạng dư cung trong nửa đầu năm 2025, tạo áp lực giảm giá dầu. Tuy nhiên, sự biến động của các yếu tố địa chính trị và chính sách thương mại vẫn là những nhân tố quan trọng quyết định diễn biến giá dầu trong thời gian tới.

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ Cung dầu mỏ

Việt Nam sẽ tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu trong thời gian tới. Tuy nhiên, trữ lượng dầu của quốc gia có thể sẽ được gia tăng đáng kể sau phát hiện mới tại mỏ Hải Sư Vàng thuộc bể Cửu Long ngoài khơi miền Nam. Phát hiện này có thể giúp trữ lượng dầu quốc gia tăng thêm từ 3,9% đến 9,7%, ước tính nguồn tài nguyên tiềm năng dao động từ 170 triệu đến 430 triệu thùng dầu tương đương (MMboe).

Bên cạnh đó, mặc dù phát hiện này có thể góp phần củng cố nguồn cung dầu trong dài hạn, tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức từ biến động giá dầu thế giới và tình hình chính trị khu vực, vốn có thể tác động đáng kể đến nguồn cung xăng dầu trong nước.

■ ***Cầu dầu mở***

Dự báo nhu cầu xăng dầu của Việt Nam trong năm 2025 sẽ tiếp tục tăng trưởng, với sản lượng tiêu thụ ước tính tăng trên 8% so với mức thực hiện năm 2024.

Trong tháng qua, Bộ Công Thương dự báo với tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến đạt khoảng 6,5-7,0% và có thể phấn đấu lên 7,0-7,5% theo Nghị quyết 158/2024/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, nhu cầu xăng dầu sẽ được thúc đẩy nhờ sự phục hồi của các ngành công nghiệp, vận tải và sản xuất. Tuy nhiên, tổng tiêu thụ xăng dầu trong nước có thể không tăng mạnh nếu quá trình phục hồi kinh tế diễn ra chậm hơn dự kiến hoặc chịu tác động từ xu hướng chuyển đổi năng lượng, đặc biệt là sự gia tăng sử dụng xe điện và các nguồn năng lượng thay thế.

■ ***Diễn biến giá***

Giá xăng dầu tại Việt Nam trong thời gian tới được dự báo sẽ chịu tác động từ nhiều yếu tố, bao gồm sự biến động của giá dầu thô toàn cầu, tình hình kinh tế vĩ mô, cung cầu trong nước và các chính sách điều tiết của Chính phủ.

Ngoài ra, việc Chính phủ triển khai Đề án nâng mức dự trữ xăng dầu có thể giúp giảm bớt tác động từ biến động giá quốc tế, góp phần ổn định nguồn cung trong nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí

Trong tháng 1/2025, nguồn cung khí toàn cầu tiếp tục biến động do cạnh tranh gia tăng và điều chỉnh chiến lược từ các nhà cung cấp.

Châu Á đẩy mạnh nhập khẩu LNG, khiến nguồn cung khí đốt vào EU bị thắt chặt, buộc khu vực này phải rút từ kho dự trữ, đặc biệt tại Latvia, Hungary và Cộng hòa Séc, nơi mức lưu trữ giảm dưới 60%.

Trong tháng qua, Nga vẫn giữ vai trò quan trọng là nhà cung cấp khí đốt lớn trên thị trường, với việc xuất khẩu khí qua đường ống TurkStream, tuyến cung cấp cuối cùng của Nga cho châu Âu sau khi đường ống qua Ukraine bị đóng, đã tăng 2% so với tháng 12/2024, đạt mức kỷ lục 1,56 tỷ m³.

Ngoài Nga và Mỹ, trong tháng qua, các nước khác như Na Uy và Algeria cũng đẩy mạnh xuất khẩu khí đốt ra thị trường toàn cầu, đặc biệt là sang châu Âu để bù đắp phần thiếu hụt khí đốt từ Nga. Theo đó, Na Uy tiếp tục duy trì sản lượng cao từ các mỏ khí đốt ở Biển Bắc, trong khi Algeria tăng cường cung cấp khí đốt qua đường ống đến Tây Ban Nha và Ý.

▪ Cầu khí

Trong tháng qua, nhu cầu khí đốt toàn cầu tăng mạnh do thời tiết lạnh và sản lượng năng lượng tái tạo giảm. Châu Âu cạnh tranh với châu Á để giành nguồn LNG, đẩy giá lên cao, gây khó khăn về nguồn cung khí cho các nước như Ấn Độ, Bangladesh, Ai Cập và Đức. Sự cạnh tranh này đặc biệt ảnh hưởng đến các quốc gia đang phát triển, vốn phụ thuộc vào nguồn LNG giá rẻ để duy trì sản xuất và tiêu dùng nội địa.

Trong khi đó, bất chấp lệnh trừng phạt và căng thẳng địa chính trị, EU vẫn nhập khẩu khí đốt từ Nga với tốc độ kỷ lục, chỉ hàng tỷ USD chỉ trong vài tuần sau khi thỏa thuận với Gazprom hết hạn.

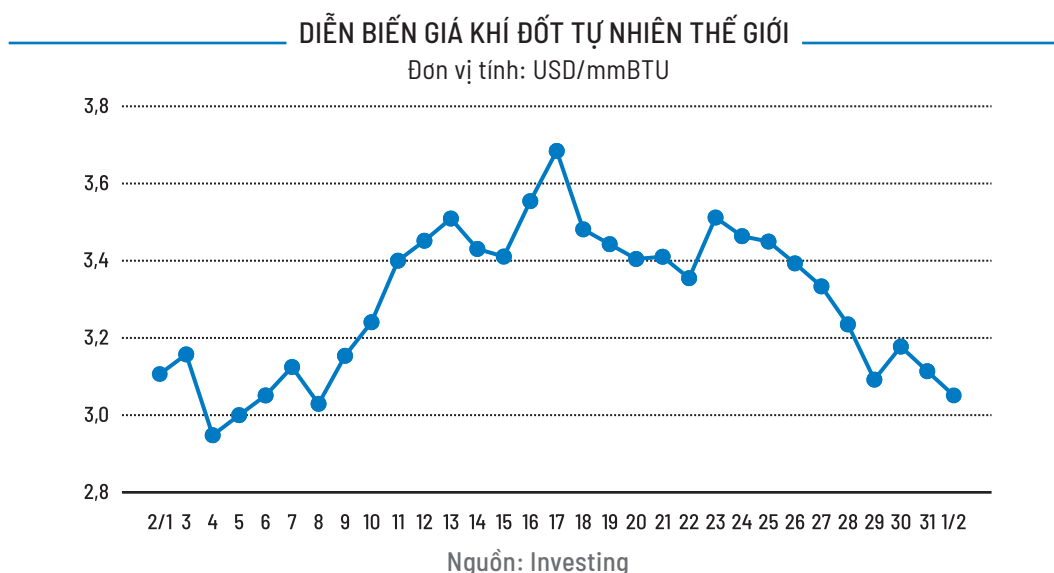
Tại Mỹ, nhiệt độ lạnh sâu làm tăng nhu cầu sưởi ấm, đẩy nhu cầu sử dụng khí đốt nội địa lên cao. Đồng thời, nhu cầu xuất khẩu sang châu Âu và châu Á tăng cao cũng khiến nguồn cung trong nước chịu áp lực.

Tại châu Á, nhu cầu khí đốt cũng tăng cao, đặc biệt tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc do mùa đông lạnh giá. Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục nhập khẩu LNG với khối lượng lớn để đảm bảo an ninh năng lượng, trong khi Trung Quốc gia tăng mua vào nhằm bổ sung kho dự trữ chiến lược.

■ **Diễn biến giá**

Trong tháng 1/2025, giá khí đốt tự nhiên thế giới biến động mạnh, với xu hướng tăng trong nửa đầu tháng và giảm dần về cuối tháng. Từ đầu tháng đến ngày 18/1, giá liên tục tăng, phản ánh nhu cầu cao do thời tiết lạnh kéo dài và sự cạnh tranh nhập khẩu giữa châu Âu và châu Á. Tuy nhiên, sau đó, giá bắt đầu điều chỉnh giảm, dù vẫn duy trì ở mức cao đến ngày 25/1, trước khi bước vào giai đoạn giảm mạnh do nhu cầu suy yếu, nguồn cung LNG được cải thiện và việc châu Âu sử dụng khí từ kho dự trữ thay vì tiếp tục nhập khẩu.

Bên cạnh đó, giá khí đốt tự nhiên trong tháng qua cũng chịu nhiều tác động của các yếu tố như nhu cầu sưởi ấm mùa đông, tình hình nguồn cung toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là mối quan hệ năng lượng giữa EU và Nga.



2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 1/2025, thị trường gas tại Việt Nam ghi nhận nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh do cận Tết Nguyên Đán, khi các hộ gia đình và doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng gas cho nấu ăn, sưởi ấm, sản xuất công nghiệp và vận tải.

Dù nhu cầu tăng, giá gas bán lẻ trong nước giảm nhẹ theo xu hướng giá gas thế giới, do hợp đồng giá gas trung bình tháng 1/2025 đạt 620 USD/tấn, giảm 12,5 USD/tấn so với tháng trước. Điều này giúp giảm áp lực chi tiêu cho người dân và chi phí vận hành cho doanh nghiệp.

Hiện tại, nguồn cung gas nội địa chủ yếu đến từ Nhà máy Dinh Cố và Nhà máy lọc dầu Dung Quất, với tổng sản lượng khoảng 750.000 tấn/năm, đáp ứng khoảng 60% nhu cầu trong nước. Do đó, Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn nhập khẩu gas, đặc biệt là từ các thị trường Trung Đông, Úc và Mỹ, khiến giá bán lẻ bị ảnh hưởng bởi biến động của giá gas thế giới.

Đối với khí LNG, Việt Nam hiện vẫn chưa có các cơ sở khai thác và hóa lỏng khí tự nhiên, dẫn đến sự phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn LNG nhập khẩu. Trong tháng qua, nguồn cung LNG trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các biến động của thị trường quốc tế, với giá nhập khẩu LNG giảm nhẹ so với tháng trước.

2.2. Dự báo

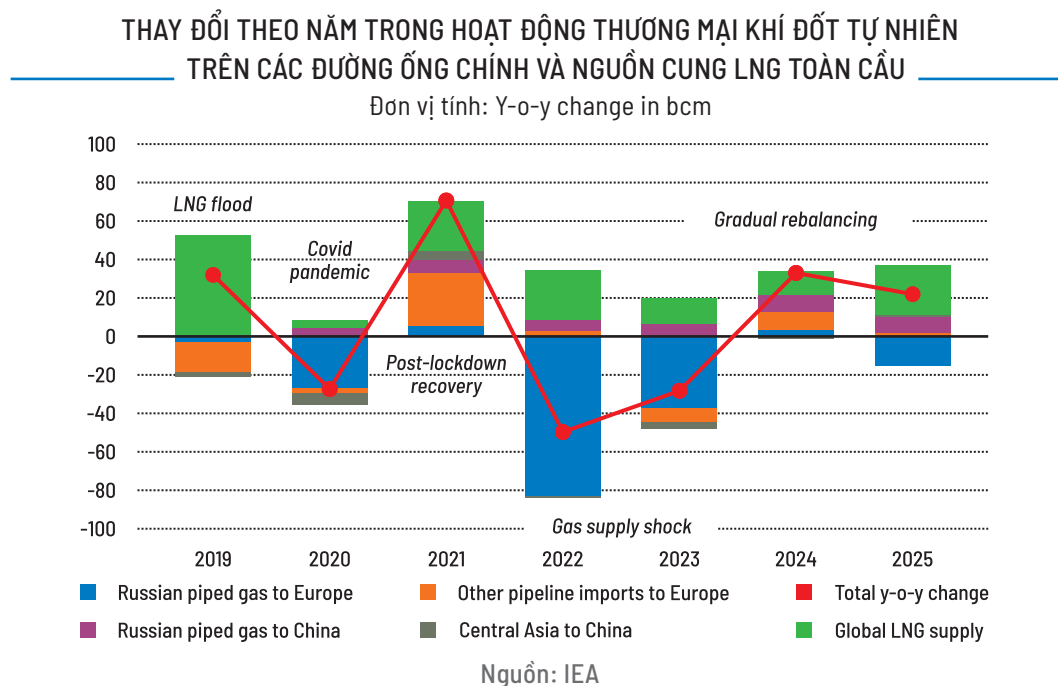
2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí

Năm 2025 dự báo sẽ chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt trong việc giành nguồn cung khí đốt tự nhiên, khi thị trường toàn cầu đối mặt với tình trạng thắt chặt nguồn cung do nhiều yếu tố tác động. Việc Ukraine ngừng trung chuyển khí đốt từ Nga từ ngày 1/1/2025 buộc châu Âu phải tìm kiếm các nguồn thay thế, trong khi các chính sách thuế quan và rào cản thương mại càng làm phức tạp thêm chuỗi cung ứng.

Đặc biệt, Trung Quốc đã áp thuế 15% lên LNG nhập khẩu từ Mỹ nhằm đáp trả động thái tăng thuế từ Washington, khiến thương mại LNG toàn cầu thêm căng thẳng.

Bên cạnh đó, theo dự báo của IEA, tình trạng nguồn cung khí đốt hạn chế sẽ kéo dài trong năm 2025, trước khi thị trường có sự điều chỉnh.

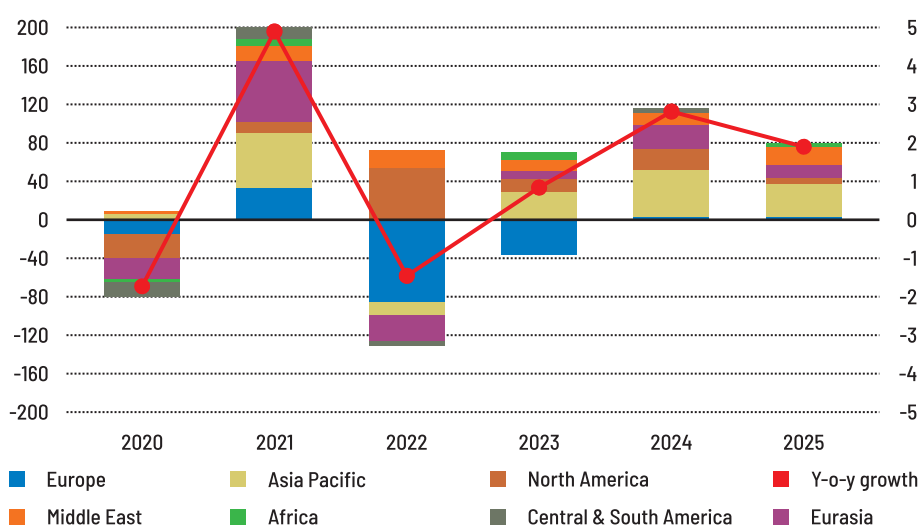


Trong dài hạn, *Kpler dự báo nguồn cung LNG mới dự kiến sẽ tăng thêm 175 triệu tấn vào năm 2030, chủ yếu đến từ Mỹ và Qatar*, góp phần ổn định thị trường năng lượng toàn cầu.

■ Cầu khí

Theo dự báo của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu sẽ tiếp tục thắt chặt trong năm 2025 khi nhu cầu vượt xa tăng trưởng nguồn cung. Mặc dù tốc độ tăng trưởng nhu cầu dự kiến chậm lại, duy trì dưới 2%, nhưng châu Á vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất vào mức tăng này. Đáng chú ý, nhu cầu LNG toàn cầu được dự báo sẽ tăng 10% trong năm tới, gây áp lực đáng kể lên các thị trường đang phát triển.

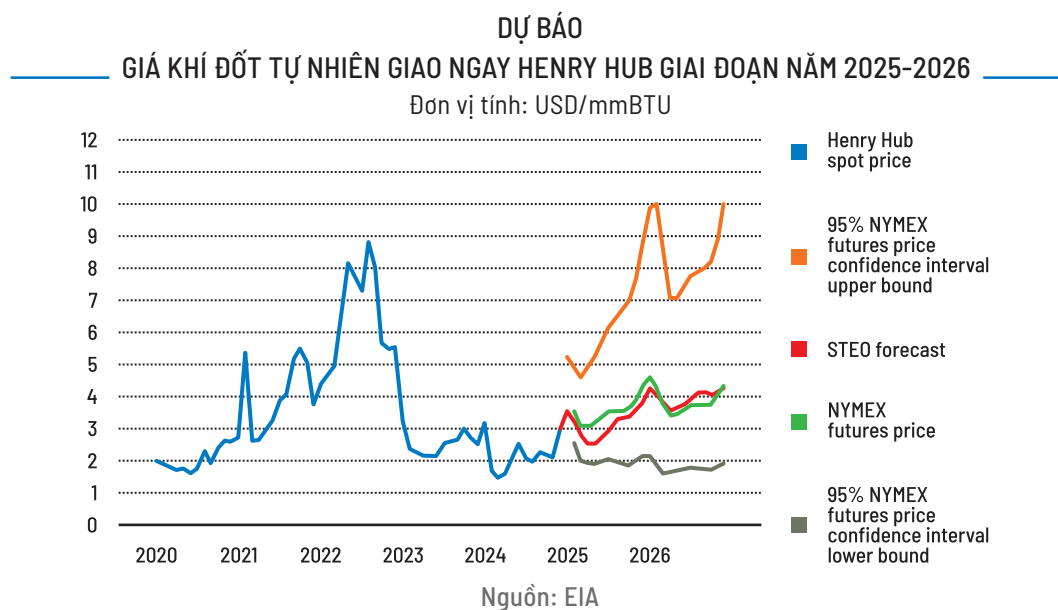
THAY ĐỔI NHU CẦU KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THEO NĂM
TẠI CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2020-2025



Nguồn: IEA

■ Diễn biến giá

Ngày 14/1, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên sẽ duy trì ổn định quanh mức 3,00 USD/MMBtu trong năm 2025, trước khi có khả năng biến động mạnh vào năm 2026. Những yếu tố tác động bao gồm căng thẳng thương mại, đặc biệt là việc Trung Quốc áp thuế lên LNG Mỹ, khiến Bắc Kinh tìm kiếm nguồn cung thay thế, trong khi Ấn Độ và Nhật Bản gia tăng nhập khẩu từ Mỹ. Ngoài ra, nhu cầu sưởi ấm mùa đông, sản lượng khai thác và sự thắt chặt nguồn cung toàn cầu cũng góp phần tạo áp lực lên giá cả. Biểu đồ dự báo của EIA cho thấy phạm vi dao động giá khá rộng, phản ánh những rủi ro tiềm ẩn và sự bất ổn của thị trường khí đốt trong giai đoạn 2025–2026.



2.2.2. Thị trường trong nước

Trong thời gian tới, thị trường khí đốt Việt Nam được dự báo sẽ có nhiều biến động đáng kể do sự thay đổi trong nguồn cung và nhu cầu sử dụng. Nguồn cung khí tự nhiên trong nước đang suy giảm nhanh chóng, trong khi nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt là khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), dự kiến sẽ tăng trung bình 12% mỗi năm và có thể gấp ba lần vào giữa những năm 2030.

Để bù đắp sự thiếu hụt này, Việt Nam có kế hoạch nhập khẩu khoảng 1-4 tỷ m³ LNG mỗi năm trong giai đoạn 2021-2025, và con số này có thể tăng lên 6-10 tỷ m³ mỗi năm sau năm 2026. Tuy nhiên, việc phát triển các dự án điện khí LNG đang gặp phải nhiều thách thức, bao gồm hạn chế về cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư cao và cơ chế chính sách chưa đồng bộ. Ngoài ra, xu hướng phát triển nhanh của năng lượng tái tạo có thể làm giảm nhu cầu đối với các dự án điện khí mới.

Bên cạnh LNG, thị trường khí gas (LPG) trong nước cũng có nhiều diễn biến đáng chú ý. Dự báo, giá gas có thể tiếp tục biến động do ảnh hưởng của giá thế giới và sự thay đổi trong nguồn cung. Trong bối cảnh Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn LPG để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, giá gas trong nước có thể chịu áp lực tăng nếu giá quốc tế leo thang. Ngoài ra, các chính sách về an ninh năng lượng và xu hướng sử dụng nhiên liệu sạch hơn cũng sẽ tác động đến thị trường khí gas trong thời gian tới.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

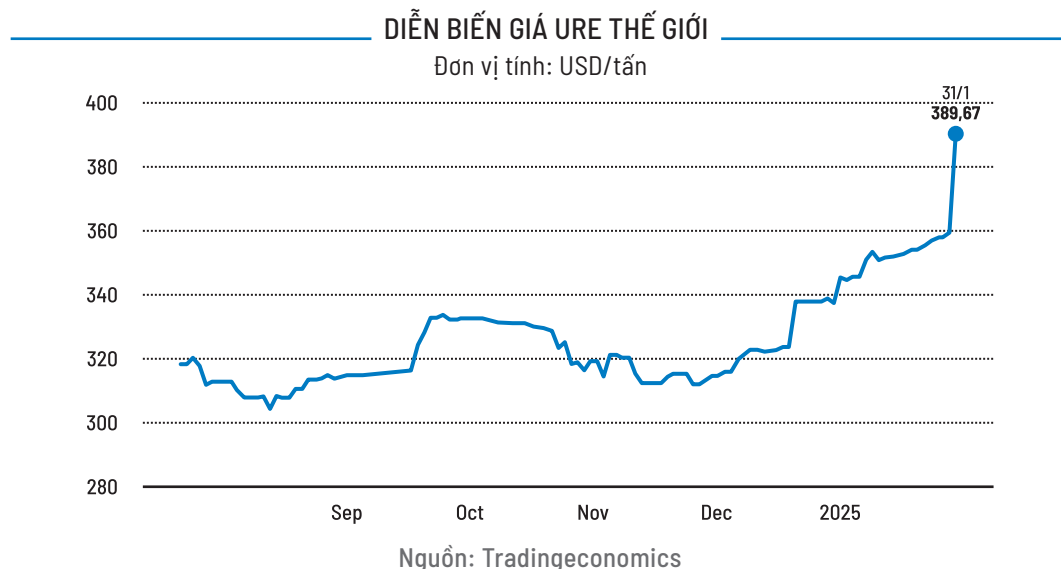
3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón toàn cầu trong tháng 1/2025 tiếp tục chứng kiến những biến động đáng kể, chịu tác động từ sự điều chỉnh chiến lược xuất khẩu của Nga và những chính sách thương mại mới của Liên minh châu Âu. Việc Nga tăng sản lượng và xuất khẩu phân bón nhằm bù đắp cho việc không thể bán khí đốt vào EU đã giúp nguồn cung toàn cầu ổn định hơn, đồng thời làm giảm bớt áp lực giá trên thị trường.

Trong khi đó, giá khí đốt tăng cao tại châu Âu tiếp tục gây áp lực lên chi phí sản xuất amoniac, một thành phần quan trọng trong phân bón, càng làm gia tăng mức độ khó khăn mà ngành công nghiệp phân bón châu Âu đang đối mặt.

Tại châu Á, nhu cầu phân bón có xu hướng gia tăng, đặc biệt tại các quốc gia có nền nông nghiệp lớn như Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam. Ấn Độ tiếp tục mở các gói thầu nhập khẩu ure để đảm bảo nguồn cung cho vụ mùa sắp tới, trong khi Trung Quốc siết chặt xuất khẩu DAP khiến nhiều nước trong khu vực phải tìm kiếm nguồn thay thế.

Trong tháng qua, giá ure thế giới đã tăng lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2023, với các hoạt động giao dịch được cải thiện đáng kể trên toàn cầu.

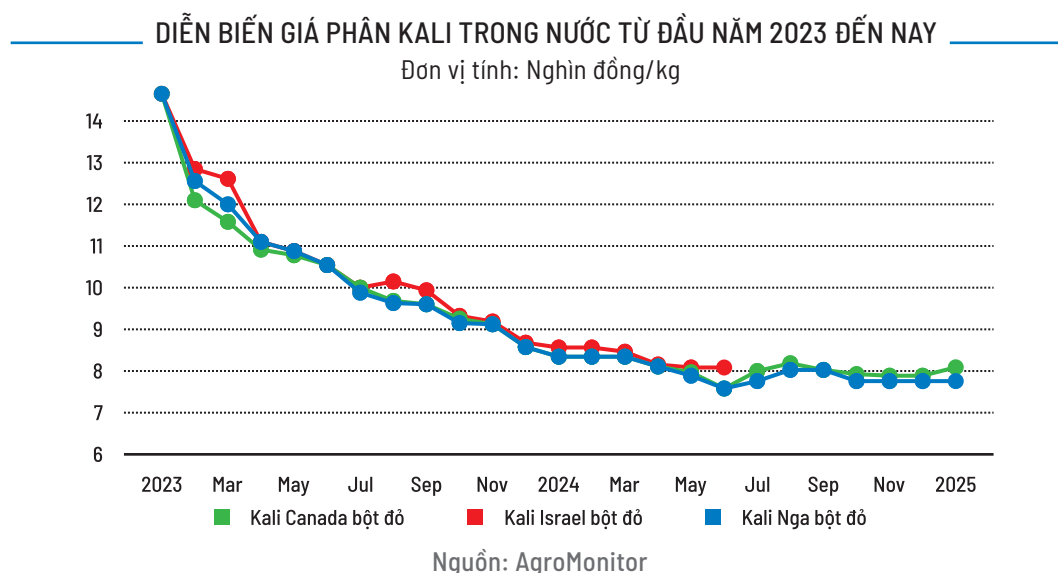


3.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón Việt Nam trong tháng 1/2025 tiếp tục ghi nhận những biến động, với giá ure và DAP vẫn trong xu hướng tăng nhẹ do nguồn cung hạn chế và nhu cầu vụ lúa Đông Xuân 2024-2025 tại Đồng bằng sông Cửu Long ở mức cao.

Giá ure từ Phú Mỹ và Cà Mau duy trì đà tăng từ 100-250 đồng/kg, phản ánh sự ảnh hưởng từ giá thế giới. Trong khi đó, giá DAP nhập khẩu tiếp tục nhích lên 200-400 đồng/kg do lượng hàng từ Trung Quốc về Việt Nam có dấu hiệu chậm lại.

Đáng chú ý, giá kali chào bán tại thị trường nội địa nhìn chung ổn định, không có sự thay đổi đáng kể so với tháng trước. Nguyên nhân chính là do nguồn cung kali nhập khẩu duy trì ổn định, trong khi nhu cầu từ các khu vực sản xuất cây công nghiệp như Tây Nguyên và Đông Nam Bộ không có sự đột biến.



Bên cạnh đó, thị trường giao dịch trong tháng cũng phần nào chịu tác động từ kỳ nghỉ Tết Nguyên đán sắp tới, khiến sức mua có xu hướng chậm lại vào cuối tháng.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo năm 2025 cho thấy giá phân bón toàn cầu sẽ tăng nhẹ từ 3-5%, có thể tác động đến giá trong nước, đặc biệt tại các khu vực phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu. Trong bối cảnh này, xu hướng sử dụng phân bón hóa học và hữu cơ giai đoạn 2024-2029 được dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm từ 6,5 - 6,7%, phản ánh sự chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình nông nghiệp bền vững và thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, theo Hiệp hội Phân bón Thế giới (IFA), nhu cầu tiêu thụ phân ure toàn cầu sẽ tăng 6% trong giai đoạn 2024-2028, thúc đẩy sản xuất và giao dịch trên thị trường quốc tế.

3.2.2. Thị trường trong nước

Năm 2025, thị trường phân bón Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì sự ổn định về nguồn cung nhờ năng lực sản xuất trong nước ngày càng được cải thiện. Dự báo cho thấy cung - cầu trên thị trường sẽ cân đối tốt hơn so với năm 2024, với tổng cung dự kiến đạt khoảng 11,5 - 12 triệu tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ ước tính ở mức 10 - 10,5 triệu tấn.

Ngoài ra, năm 2025 sẽ là một năm thuận lợi cho ngành phân bón khi giá nông sản có xu hướng tăng, thúc đẩy nhu cầu sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp. Đáng chú ý, từ ngày 01/7/2025, Luật Thuế giá trị gia tăng (VAT) sửa đổi sẽ chính thức áp thuế suất 5% đối với mặt hàng phân bón, góp phần tác động đến giá cả và lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngành.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang mở rộng thị trường xuất khẩu sang châu Âu, nơi có tiêu chuẩn chất lượng cao, mở ra cơ hội tăng trưởng và nâng cao vị thế của ngành phân bón Việt Nam trên thị trường quốc tế.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tháng 1/2025, thị trường điện toàn cầu tiếp tục chịu tác động từ sự phát triển mạnh mẽ của năng lượng tái tạo, biến động thời tiết và tình trạng thiếu hụt nguồn cung tại nhiều khu vực.

Tại châu Âu, nơi các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời đang phát triển mạnh mẽ. Tại Đức, sản lượng điện gió tăng vọt lên 40 gigawatt, vượt xa nhu cầu tiêu thụ, khiến giá điện trong ngày giảm xuống mức âm trong bốn giờ. Xu hướng này cũng được ghi nhận tại Vương quốc Anh, Pháp và Tây Ban Nha, cho thấy sự mất cân bằng giữa cung và cầu điện do sự phát triển mạnh của năng lượng tái tạo.

Ngược lại, ngày 22/01, tốc độ gió thấp đã đẩy giá điện tại Anh lên mức cao nhất trong hai năm, với giá điện trước một ngày đạt 296,28 USD/MWh và giá cao điểm buổi tối vọt lên 760,68 USD/MWh. Điều này cho thấy sự phụ thuộc ngày càng lớn vào năng lượng gió có thể dẫn đến biến động giá điện mạnh khi điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Bên cạnh châu Âu, nhiều khu vực khác cũng đang gặp khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng.

Tại Myanmar, tình trạng cắt điện kéo dài đang làm gián đoạn sinh hoạt tại các thành phố lớn, trong khi hệ thống phân phối điện theo khung giờ cố định không đáp ứng đủ nhu cầu thực tế.

Syria cũng đối mặt với tình trạng thiếu điện trầm trọng do phần lớn cơ sở hạ tầng điện bị phá hủy.

Ở Mỹ, trong bối cảnh đợt rét đậm kéo dài, chính phủ đã phải kêu gọi người dân tiết kiệm điện để tránh tình trạng quá tải lưới điện.

4.1.2. Thị trường trong nước

Tháng 1/2025, thị trường điện Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm mạnh về nhu cầu tiêu thụ do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Công suất tiêu thụ cao nhất trong dịp Tết chỉ đạt 29.007 MW, với sản lượng điện bình quân ngày ở mức 528,1 triệu kWh, giảm 31,7% so với cùng kỳ năm 2024. Mặc dù nhu cầu tiêu thụ giảm đáng kể trong thời gian ngắn, mức tiêu thụ điện trung bình vẫn cao hơn 7,8% so với Tết Nguyên đán 2024, phản ánh xu hướng sử dụng điện ngày càng gia tăng theo thời gian.

Bên cạnh sự suy giảm tạm thời về nhu cầu, tháng 1/2025 cũng đánh dấu những bước tiến quan trọng trong việc đảm bảo nguồn cung điện bền vững.

Ngày 11/1/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đã đốt lửa lần đầu thành công, mở ra giai đoạn vận hành thử nghiệm cho dự án nhà máy điện khí LNG trọng điểm quốc gia.

Tiếp đó, ngày 23/1/2025, đường dây 500 kV Monsoon - Thanh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) chính thức được đóng điện, giúp nhập khẩu 600 MW điện gió từ Lào. Sự kiện này không chỉ bổ sung nguồn cung mà còn góp phần nâng cao tính ổn định cho hệ thống điện quốc gia.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu năm 2025 được dự báo sẽ trải qua những biến động mạnh mẽ dưới tác động của ba yếu tố chính: sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, sự phát triển của xe điện và các chính sách chống biến đổi khí hậu. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo đang đặt ra thách thức lớn cho hệ thống điện khi các trung tâm dữ liệu AI tiêu thụ lượng điện khổng lồ, tương đương 10.000 hộ gia đình, nhưng lại có mức độ tiêu thụ không ổn định, tạo áp lực lớn lên lưới điện và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cung cấp điện cho hàng triệu người dân.

Trong bối cảnh thiếu hụt nguồn điện hiện nay, điện hạt nhân đang nổi lên như một giải pháp then chốt. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), sản lượng điện hạt nhân toàn cầu sẽ đạt mức kỷ lục mới trong năm 2025, với hơn một nửa công suất bổ sung đến từ Trung Quốc và Ấn Độ. Trung Quốc, với tốc độ mở rộng công nghệ hạt nhân nhanh chóng, được dự báo sẽ vượt Mỹ và châu Âu về công suất lắp đặt vào năm 2030. Trong khi đó, Nga vẫn giữ vững vị thế là một trong những cường quốc hàng đầu trong lĩnh vực này.

Bên cạnh điện hạt nhân, năm 2025 cũng sẽ chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ của các nguồn điện tái tạo. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào điện gió và điện mặt trời khiến giá điện trở nên biến động khó lường, đặc biệt tại châu Âu, nơi hệ thống lưới điện đang phải thích ứng với sự thay đổi liên tục của nguồn cung từ các dạng năng lượng này.

4.2.2. Thị trường trong nước

Trong năm 2025, nhu cầu tiêu thụ điện tại Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 342,3 tỷ kWh, tương ứng mức tăng 10,5% so với năm trước. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng vai trò chủ đạo, chiếm 51% tổng nhu cầu và trở thành động lực chính thúc đẩy sự phát triển của ngành điện. Việc tăng trưởng tiêu thụ điện vượt tốc độ tăng trưởng GDP cho thấy nhu cầu năng lượng ngày càng lớn, tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với thị trường điện Việt Nam.

Về nguồn cung, công suất phát điện năm 2025 toàn quốc dự kiến đạt 93 GW, nhờ vào việc đưa vào vận hành các dự án trọng điểm như Nhà máy Vũng Áng II (1.330 MW), Nhà máy Nhơn Trạch 3 & 4 (1.500 MW), Thủy điện Hòa Bình mở rộng (480 MW) và Thủy điện Ialy mở rộng (360 MW).

KẾ HOẠCH ĐƯA VÀO VẬN HÀNH CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN MỚI TRONG NĂM 2025

NHÀ MÁY	Loại hình	Khu vực	Công suất (MW)	Dự kiến vận hành
Vũng Áng II	Điện than	Hà Tĩnh	1.330	Q3/2025
Nhơn Trạch 3&4	Điện khí LNG	Đồng Nai	1.500	Q2/2025
Thủy điện Hòa Bình mở rộng	Thủy điện	Hòa Bình	480	Q2/2025
Thủy điện Yaly mở rộng	Thủy điện	Kon Tum	330	Đã vận hành
Thủy điện Trị An (*)	Thủy điện	Đồng Nai	200	2025
Điện từ Lào (**)	NLTT	Lào	1.150	2025

(*): Dự án hiện đang vướng mắc giải phóng mặt bằng

(**): Có khoảng 1.977 / 3.000 MW được duyệt chủ trương nhập khẩu đến năm 2025

Nguồn: Quy hoạch Điện VIII, KBSV Research

Đặc biệt, ngày 5/2/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3, nhà máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam đã hòa lưới điện quốc gia với công suất ban đầu đạt 50 MW, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc phát triển năng lượng sạch và hiện thực hóa mục tiêu Netzero theo định hướng của Quy hoạch Điện VIII.

Bên cạnh đó, với sự tham gia của các tập đoàn lớn như EVN và PVN vào lĩnh vực điện hạt nhân, dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2 cũng đang được nghiên cứu triển khai, mở ra tiềm năng mới cho việc đa dạng hóa nguồn cung điện trong thời gian tới.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 1/2025 nhiều biến động đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện hạt nhân thông qua việc tìm kiếm các đối tác chiến lược, đàm phán với các quốc gia có công nghệ tiên tiến, phát triển kế hoạch nghiên cứu khả thi và từng bước đưa điện hạt nhân vào hệ thống năng lượng quốc gia nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu hóa thạch.
- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm thông qua việc mở rộng sản xuất và kinh doanh, đồng thời tận dụng lợi thế về công nghệ và nguồn lực sẵn có để gia tăng giá trị kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa lẫn quốc tế.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh, từ đó tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao năng suất lao động và cải thiện khả năng ra quyết định chiến lược.
- Chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hợp tác với các tập đoàn dầu khí lớn trên thế giới, nghiên cứu phát triển các dự án khai thác và cung cấp năng lượng quốc tế, từ đó gia tăng giá trị thương hiệu và nâng cao năng lực cạnh tranh của Tập đoàn.
- Tăng cường trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường bằng cách thực hiện các chương trình phát triển bền vững, đầu tư vào các dự án năng lượng xanh, triển khai các sáng kiến giảm khí thải và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nhằm thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và nâng cao uy tín thương hiệu.
- Triển khai chiến lược truyền thông toàn diện bằng cách xây dựng câu chuyện thương hiệu mạnh mẽ, tạo nội dung sáng tạo và nhất quán trên các nền tảng truyền thông đa kênh, tận dụng công nghệ số và dữ liệu lớn để cá nhân hóa thông điệp, tăng cường tương tác với khách hàng và công chúng, đồng thời thúc đẩy các chiến dịch truyền thông gắn liền với giá trị cốt lõi của Tập đoàn nhằm nâng cao uy tín thương hiệu và củng cố niềm tin từ các bên liên quan.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 2/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 1 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 1 năm 2025	1 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	90,8	100,6	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới	DN	10.700	33.400	106,6	69,7	115,0
3.2	Quay lại hoạt động	DN	22.800		-	165,2	
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	58.300	-	-	108,1	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	52.800	-	-	120,2	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	3.500	-	-	44,8	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	2.021	-	-	91,7	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ					
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	35,4	-	-	109,6	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	4,33	-	-	148,6
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	1,51	-	-	102,0
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	573,3	-	102,7	109,5	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD					
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	33,09	-	93,1	95,7	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	30,06	-	85,9	97,4	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 3,03	-	-	-	-
7	Chỉ số giá						
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,98	103,63	-
7.2	Chỉ số giá vàng				101,03	129,13	-
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,21	103,98	-
7.4	Lạm phát cơ bản				100,42	103,07	-

A: Tháng 1/2025 so với tháng 12/2024

B: Tháng 1/2025 so với tháng 1/2024

C: 1 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024



Ảnh bìa: Chính sách thuế quan mới của Mỹ đã làm đẩy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

 Pexels/Nataliya Vaitkevich



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện